

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ ĐOÀN KHOÁ IX

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đoàn thông qua ngày 19/12/2007, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn hướng dẫn toàn Đoàn thực hiện đúng và thống nhất Điều lệ Đoàn như sau:

PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐOÀN VIÊN

I- VỀ KẾT NẠP ĐOÀN VIÊN

1- Điều kiện độ tuổi và trình độ học vấn

a, Tại thời điểm xét kết nạp, người được kết nạp vào Đoàn tối thiểu từ 16 tuổi và tối đa **không quá 30 tuổi**.

b, Người được kết nạp vào Đoàn **tối thiểu có trình độ tiểu học**. Đối với thanh niên là người dân tộc thiểu số, người đang sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì vận dụng linh hoạt.

2- Xét kết nạp đoàn viên trong một số trường hợp

a, Trường hợp thanh niên có nguyện vọng vào Đoàn, hăng hái tham gia các hoạt động do Đoàn tổ chức, có tín nhiệm với thanh niên, nhưng có bố mẹ, anh, chị, em ruột đang bị giam giữ trước khi xét kết nạp phải xin ý kiến của cấp uỷ Đảng cùng cấp.

b, Trường hợp thanh niên làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chưa có tổ chức Đoàn, hăng hái tham gia các hoạt động do Đoàn tổ chức ở nơi cư trú, có tín nhiệm với thanh niên và có nguyện vọng vào Đoàn thì chi đoàn nơi cư trú xét, đề nghị, Ban Chấp hành Đoàn xã, phường, thị trấn ra quyết định chuẩn y kết nạp.

3- Thủ tục kết nạp Đoàn

3.1- Thanh niên vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tự nguyện viết đơn, báo cáo lý lịch của mình với chi đoàn, chi đoàn cơ sở.

3.2- Được học Điều lệ Đoàn và trang bị những kiến thức cơ bản về Đoàn trước khi kết nạp.

3.3- Được một đoàn viên hoặc một đảng viên (với những nơi chưa có tổ chức Đoàn) giới thiệu. Đoàn viên hoặc đảng viên giới thiệu phải là người cùng công tác, lao động hoặc học tập với người được giới thiệu ít nhất 3 tháng liên tục.

a, Đối với Đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh do tập thể chi đội giới thiệu.

b, Đối với hội viên Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam do tập thể chi hội giới thiệu.

3.4- Hội nghị chi đoàn xét kết nạp từng người một với sự biểu quyết tán thành của trên một phần hai số đoàn viên có mặt tại hội nghị và được Đoàn cấp trên trực tiếp ra quyết định chuẩn y.

Trường hợp đặc biệt ở vùng cao, vùng sâu, các đơn vị công tác phân tán không có điều kiện họp được toàn thể chi đoàn, nếu được đoàn cấp trên đồng ý thì việc xét kết nạp có thể do Ban Chấp hành chi đoàn xét và Đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y.

3.5- Trường hợp thanh niên đang học bậc trung học phổ thông nơi chưa có tổ chức chi đoàn thì việc kết nạp đoàn viên do Ban chấp hành Đoàn trường thực hiện.

II- QUY TRÌNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN

Bước 1: Tuyên truyền giới thiệu về Đoàn cho thanh niên, thông qua các loại hình tổ chức và các phương thức hoạt động của Đoàn, Hội, Đội.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch kết nạp đoàn viên.

- Lập danh sách thanh niên tiên tiến và đội viên trưởng thành.
- Lựa chọn đối tượng theo các tiêu chuẩn kết nạp đoàn viên.
- Phân công đoàn viên giúp đỡ, dự kiến thời gian bồi dưỡng, thời gian tổ chức kết nạp.

Bước 3: Bồi dưỡng giáo dục, rèn luyện thanh, thiếu niên vào đoàn.

a, Mở lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đoàn, lựa chọn những thanh niên có đủ tiêu chuẩn xét kết nạp (nơi có điều kiện có thể cấp giấy chứng nhận đã học qua lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đoàn cho thanh, thiếu niên).

b, Ở những nơi không có điều kiện mở lớp tập trung thì có hình thức phù hợp để thanh niên học tập, nghiên cứu sau đó kiểm tra.

Bước 4: Tiến hành các thủ tục và tổ chức kết nạp đoàn viên mới.

- Hướng dẫn thanh niên tự khai lý lịch và viết đơn (theo mẫu sổ đoàn viên).

- Hội nghị chi đoàn xét, báo cáo lên Ban Chấp hành Đoàn cấp trên.
- Ban Chấp hành Đoàn cấp trên ra quyết định chuẩn y kết nạp.
- Chi đoàn tổ chức kết nạp đoàn viên mới, trao huy hiệu Đoàn.
- Hoàn chỉnh hồ sơ để quản lý đoàn viên, tiếp tục bồi dưỡng tạo điều kiện để đoàn viên mới rèn luyện.

Đối với những nơi không có chi đoàn, Ban Chấp hành Đoàn cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở thực hiện quy trình công tác phát triển đoàn viên và quyết định kết nạp đoàn viên.

III - QUYỀN CỦA ĐOÀN VIÊN TRONG VIỆC ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ BẦU CỬ CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CÁC CẤP CỦA ĐOÀN

1- Quyền ứng cử

a, Đoàn viên có quyền ứng cử để bầu vào Ban Chấp hành các cấp của Đoàn, dù đoàn viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội.

b, Đoàn viên không phải là đại biểu của đại hội, ứng cử vào Ban Chấp hành từ cấp huyện và tương đương trở lên phải gửi đến Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội đơn xin ứng cử, sơ yếu lý lịch và nhận xét của Ban Chấp hành cơ sở Đoàn nơi đoàn viên đang sinh hoạt, chậm nhất 15 ngày trước khi đại hội.

c, Tại đại hội đoàn viên, mọi đoàn viên đều có quyền ứng cử để bầu làm đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên, trường hợp đoàn viên không có mặt tại đại hội có thể ứng cử bằng đơn.

d, Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu có quyền ứng cử để bầu làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu hoặc hội nghị đại biểu Đoàn cấp trên.

2- Quyền đề cử

a, Tại đại hội đoàn viên, tất cả đoàn viên đều có quyền đề cử đoàn viên để bầu vào Ban Chấp hành và bầu làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu Đoàn cấp trên.

b, Tại đại hội đại biểu, các đại biểu chính thức đều có quyền đề cử những đoàn viên là đại biểu và những đoàn viên không phải là đại biểu để bầu vào Ban Chấp hành (trường hợp đề cử cán bộ Đoàn ngoài tuổi đoàn viên thì phải là đại biểu chính thức của đại hội) hoặc đề cử đại biểu chính thức vào danh sách bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên.

c, Trường hợp bầu trực tiếp Bí thư tại đại hội thì đại biểu chính thức có quyền:

- Đề cử uỷ viên Ban Chấp hành để bầu làm Bí thư (theo cách bầu thứ nhất tại khoản 4, mục I, phần thứ hai Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn)

- Đề cử đoàn viên là đại biểu hoặc không là đại biểu để bầu làm Bí thư (theo cách bầu thứ hai tại khoản 4, mục I, phần thứ hai Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn).

d, Các uỷ viên Ban Chấp hành có quyền đề cử uỷ viên Ban Chấp hành để bầu vào Ban Thường vụ (những nơi không có Ban Thường vụ thì đề cử để bầu Bí thư, Phó Bí thư), đề cử uỷ viên Ban Thường vụ để bầu làm Bí thư, Phó Bí thư.

e, Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm báo cáo với đại hội về công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành khoá mới, được quyền giới thiệu danh sách để bầu vào Ban Chấp hành Đoàn khoá mới và đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu Đoàn cấp trên.

f, Khi đề cử người vào danh sách bầu cử, người đề cử phải cung cấp trích ngang lý lịch của người được đề cử cho đại hội, hội nghị.

3- Quyền bầu cử

Đại biểu chính thức đủ tư cách có quyền bầu cử trong đại hội, hội nghị.

IV- VỀ ĐOÀN VIÊN DANH DỰ

1- Đối tượng xét kết nạp

Những người **đã trưởng thành Đoàn có tâm huyết**, có nhiều đóng góp với Đoàn, có uy tín trong thanh thiếu niên và xã hội, đồng ý làm đoàn viên danh dự.

2- Quy trình, thủ tục và thẩm quyền xét kết nạp

a, Trong quá trình công tác, hoạt động, tổ chức cơ sở Đoàn nhận thấy có những người đủ tiêu chuẩn và sẵn sàng làm đoàn viên danh dự thì báo cáo Ban Thường vụ huyện Đoàn và tương đương xem xét quyết định.

b, Đoàn cơ sở tổ chức lễ kết nạp đoàn viên **danh dự trang trọng, có tính tôn vinh người được kết nạp và giáo dục đối với đoàn viên, thanh thiếu nhi.**

3- Quyền và nghĩa vụ của đoàn viên danh dự

a, Được cấp Thẻ đoàn viên danh dự, được tham dự một số sinh hoạt và hoạt động của Đoàn.

b, Được tham gia thảo luận, hoạt động và đề xuất ý kiến về các công việc của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

c, Tích cực tham gia vào công tác giáo dục đoàn viên, thanh thiếu nhi, tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đoàn trong thanh thiếu nhi và xã hội.

4- Các trường hợp thôi là đoàn viên danh dự

a, Đoàn viên danh dự có đề nghị xin thôi là đoàn viên danh dự thì Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện nơi kết nạp hoặc nơi đoàn viên danh dự sinh sống, học tập, công tác ra thông báo cho thôi là đoàn viên danh dự.

b, Đoàn viên danh dự vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức có ảnh hưởng đến uy tín của Đoàn thì Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện nơi kết nạp hoặc nơi người đó sinh sống, học tập, công tác quyết định xóa tên đoàn viên danh dự.

V- VIỆC XOÁ TÊN TRONG DANH SÁCH ĐOÀN VIÊN

1- Chi đoàn xem xét quyết định xoá tên đoàn viên và báo cáo lên Đoàn cấp trên trực tiếp đối với trường hợp đoàn viên không tham gia sinh hoạt Đoàn hoặc không đóng đoàn phí ba tháng trong một năm mà không có lý do chính đáng.

2- Trường hợp đoàn viên thường xuyên đi học tập, lao động, công tác ở xa không quá 1 năm, trong thời gian đó đoàn viên có báo cáo với Ban Chấp hành chi đoàn và sau mỗi đợt đi về vẫn tham gia sinh hoạt, đóng đoàn phí đầy đủ và có những đóng góp cho hoạt động của chi đoàn thì không coi là bỏ sinh hoạt và không xoá tên trong danh sách đoàn viên.

VI- VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐOÀN VIÊN

Mỗi đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh đều có Sổ đoàn viên, huy hiệu Đoàn và Thẻ đoàn viên.

1- Hồ sơ và quản lý đoàn viên

a, Hồ sơ đoàn viên là Sổ đoàn viên theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành.

b, Quản lý đoàn viên:

- Ban Chấp hành chi đoàn phải có “Sổ chi đoàn” theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành.

- Ban Chấp hành Đoàn cơ sở có Sổ danh sách đoàn viên, theo dõi kết nạp đoàn viên và trao Thẻ đoàn viên; Sổ giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt Đoàn.

- Hằng năm, Ban Chấp hành chi đoàn có trách nhiệm ghi nhận xét ưu, khuyết điểm, khen thưởng, kỷ luật và kết quả phân loại đoàn viên vào sổ của từng đoàn viên.

- Chi đoàn, Đoàn cơ sở hàng quý; Đoàn cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương 6 tháng, 1 năm có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình công tác đoàn viên của đơn vị mình cho Đoàn cấp trên trực tiếp.

2- Sử dụng huy hiệu Đoàn

- Cán bộ, đoàn viên đeo huy hiệu Đoàn vào các ngày lễ của Đoàn, lễ kết nạp đoàn viên và các sinh hoạt, hội họp của Đoàn.

- Khuyến khích đoàn viên đeo huy hiệu Đoàn trong giờ làm việc.

3- Thẻ đoàn viên

Thẻ đoàn viên có giá trị chứng nhận tư cách đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thống nhất phát hành.

Đoàn viên được cấp Thẻ trong lễ kết nạp hoặc chậm nhất không quá 1 tháng kể từ ngày được kết nạp vào Đoàn. Việc cấp Thẻ đoàn viên do Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện quyết định.

Thẻ đoàn viên được dùng để đăng ký tham gia sinh hoạt Đoàn tạm thời và xuất trình khi cần.

Đoàn viên không được cho người khác mượn Thẻ; khi trưởng thành Đoàn, đoàn viên được giữ lại Thẻ đoàn viên

Đoàn viên bị kỷ luật khai trừ thì bị thu hồi Thẻ; đoàn viên sử dụng Thẻ sai mục đích thì tùy mức độ bị xem xét xử lý kỷ luật. Ban chấp hành chi đoàn, Ban Thường vụ Đoàn cơ sở có trách nhiệm thu hồi Thẻ và nộp cho Đoàn cấp huyện quản lý.

Trung ương Đoàn quản lý số lượng và số hiệu Thẻ đoàn viên trên toàn quốc. Các cấp bộ Đoàn quản lý số lượng và số hiệu Thẻ đoàn viên của địa phương, đơn vị.

4- Chuyển sinh hoạt Đoàn

a, Nguyên tắc:

- Đoàn viên khi thay đổi nơi cư trú, đơn vị công tác, học tập phải chuyển sinh hoạt Đoàn.

- Chi đoàn, Đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở có trách nhiệm chuyển sinh hoạt Đoàn cho đoàn viên.

b, Quy trình chuyển sinh hoạt Đoàn:

- Đoàn viên khi chuyển sinh hoạt Đoàn thì đề nghị Ban Chấp hành chi đoàn (hoặc chi đoàn cơ sở) nơi đang sinh hoạt để được chuyển sinh hoạt.

- Trách nhiệm của Ban Chấp hành chi đoàn:

+ Nhận xét đoàn viên vào Sổ đoàn viên và thu đoàn phí đến thời điểm chuyển sinh hoạt Đoàn (trường hợp đoàn viên sinh hoạt tại chi đoàn cơ sở thì Ban chấp hành chi đoàn cơ sở nhận xét và thu đoàn phí.)

+ Giới thiệu đoàn viên lên Đoàn cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở để làm tiếp thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn.

+ Tiếp nhận đoàn viên do Đoàn cơ sở hoặc chi đoàn cơ sở giới thiệu đến sinh hoạt.

- Trách nhiệm của Đoàn cơ sở, Chi đoàn cơ sở:

+ Trường hợp đoàn viên chuyển sinh hoạt trong cùng một Đoàn cơ sở thì Ban Chấp hành Đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên về sinh hoạt tại chi đoàn mới.

+ Trường hợp đoàn viên chuyển sinh hoạt sang Đoàn cơ sở khác thì Ban Chấp hành Đoàn cơ sở giới thiệu đến Ban Chấp hành Đoàn cơ sở mới.

+ Khi tiếp nhận đoàn viên từ nơi khác giới thiệu đến, Ban Chấp hành Đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên về sinh hoạt tại chi đoàn trực thuộc.

c, Một số trường hợp khác:

- Đoàn viên là bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành, là học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp các trường đang trong thời gian chờ để chuyển lĩnh vực công tác, học tập,

lao động mới nếu thời gian chờ từ 03 tháng trở lên thì phải chuyển sinh hoạt về cơ sở Đoàn nơi đoàn viên cư trú.

- Chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời:

+ Đoàn viên đi học tập, lao động, công tác, đoàn viên là học sinh, sinh viên trong thời gian nghỉ hè, đi thực tập, thực tế với thời gian không quá 03 tháng thì chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời đến cơ sở Đoàn nơi học tập, lao động, công tác hoặc nơi cư trú mới. Đoàn cơ sở (chi đoàn cơ sở) có trách nhiệm làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận đoàn viên chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời.

+ Việc chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời có thể thực hiện bằng Thẻ đoàn viên hoặc giấy chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời theo mẫu do Ban Bí thư Trung ương Đoàn quy định thống nhất.

+ Trong thời gian sinh hoạt tạm thời, đoàn viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 2, điều 3 của Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trừ quyền ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đoàn nơi đang sinh hoạt tạm thời.

- Đoàn viên chuyển đến những nơi chưa có tổ chức Đoàn vẫn phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn như đã quy định. Khi đến nơi mới, xuất trình hồ sơ và báo cáo với tổ chức Đảng, khi chuyển công tác đi nơi khác đề nghị tổ chức Đảng nhận xét ưu, khuyết điểm và giới thiệu về Ban Chấp hành Đoàn cơ sở nơi tiếp nhận đoàn viên.

Trường hợp nơi đoàn viên lao động, học tập, công tác không có tổ chức Đảng, Đoàn thì đoàn viên đó phải sinh hoạt ở nơi cư trú.

- Trường hợp do thất lạc hồ sơ đoàn viên thì thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn phải có bản tường trình và xác nhận của cơ sở Đoàn nơi chuyển đi, được làm lại hồ sơ tại nơi chuyển đến. Trường hợp còn Thẻ đoàn viên hoặc những văn bản xác nhận là đoàn viên, thì làm lại sổ đoàn viên tại nơi chuyển đến.

- Chuyển sinh hoạt Đoàn ra nước ngoài, từ nước ngoài về nước thực hiện theo hướng dẫn liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với Đảng uỷ ngoài nước.

5- Đoàn viên tham gia sinh hoạt, hoạt động tại nơi cư trú

- Đoàn viên có nhiệm vụ tham gia các hoạt động Đoàn ở địa bàn dân cư hoặc nơi cư trú.

Khi tham gia sinh hoạt, hoạt động đoàn tại nơi cư trú, đoàn viên được tham dự và đóng góp ý kiến tại đại hội, hội nghị của chi đoàn. Trường hợp cần thiết về công tác cán bộ, nếu có tín nhiệm để bầu vào cơ quan lãnh đạo thì phải chuyển hồ sơ đoàn viên về nơi đó trước khi được bầu.

6- Về quản lý đoàn viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định

Đoàn viên lao động ở xa, thời gian không ổn định là những đoàn viên rời khỏi địa phương cư trú đến địa phương khác để lao động với việc làm và thời gian không ổn định, không có điều kiện sinh hoạt Đoàn thường xuyên nơi cư trú.

a, Trách nhiệm của đoàn viên:

- Trước mỗi đợt đi lao động ở xa phải báo cáo với Ban Chấp hành chi đoàn về địa chỉ nơi đến để chi đoàn, Đoàn cơ sở hướng dẫn thủ tục chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời và giúp đỡ.

- Khi đến nơi lao động, đoàn viên liên hệ với chi đoàn, Đoàn cơ sở nơi đến để đăng ký tham gia sinh hoạt Đoàn; được dùng Thẻ đoàn viên hoặc giấy chuyển sinh hoạt Đoàn để sinh hoạt tạm thời.

b, Trách nhiệm của cơ sở Đoàn nơi đoàn viên đi:

Chi đoàn lập sổ theo dõi danh sách đoàn viên kèm theo địa chỉ nơi đến của số đoàn viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định và báo cáo cho Đoàn cơ sở để theo dõi. Đoàn cơ sở chuyển sinh hoạt Đoàn tạm thời cho đoàn viên bằng giấy chuyển sinh hoạt hoặc hướng dẫn đoàn viên dùng Thẻ đoàn viên để đăng ký sinh hoạt tạm thời.

c, Trách nhiệm của cơ sở Đoàn nơi đoàn viên đến:

- Đoàn cơ sở tiếp nhận thủ tục sinh hoạt tạm thời và giới thiệu đoàn viên về các chi đoàn

- Những địa bàn tập trung đông đoàn viên là lao động tự do và đã có đăng ký tạm trú thì Đoàn cơ sở ở nơi đó có thể thành lập các chi đoàn trực thuộc để tổ chức các hoạt động.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG VẤN ĐỀ TỔ CHỨC CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

I- CÔNG TÁC BẦU CỬ CỦA ĐOÀN

1- Việc bỏ phiếu kín áp dụng trong các trường hợp:

- Bầu Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Bí thư thứ nhất và các Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

- Bầu đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên (kể cả đại biểu dự khuyết).

- Bầu Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra.

2- Bầu cử tại hội nghị Ban Chấp hành:

- Bí thư hoặc Phó Bí thư Đoàn khoá cũ có trách nhiệm triệu tập phiên họp thứ nhất của Ban Chấp hành khoá mới và chủ trì để bầu chủ tọa hội nghị. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn cấp trên và cấp ủy cùng cấp thống nhất chỉ định một ủy viên Ban Chấp hành khoá mới làm triệu tập viên để bầu chủ tọa hội nghị.

- Hội nghị Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra.

- Ban Chấp hành có quyền quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư (các Bí thư đối với Trung ương Đoàn), Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba (1/3) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng Ủy viên Ủy ban kiểm tra không nhiều hơn số lượng Ủy viên Ban Thường vụ.

3- Việc bầu trực tiếp Bí thư tại đại hội Đoàn

- Bầu trực tiếp Bí thư tại đại hội áp dụng đối với những trường hợp sau:

+ Chi đoàn xếp loại khá trở lên.

+ Đoàn cơ sở trong quá trình chuẩn bị tổ chức đại hội được cấp ủy và Đoàn cấp trên trực tiếp thống nhất, tại đại hội được đại biểu đại hội nhất trí bầu trực tiếp Bí thư.

- Tiến hành bầu theo một trong các cách sau đây:

+ Đại hội bầu ra Ban Chấp hành, sau đó bầu Bí thư trong số các Ủy viên Ban Chấp hành.

+ Đại hội bầu Bí thư, sau đó bầu số Ủy viên Ban Chấp hành còn lại.

4- Phiếu bầu:

- Là phiếu do Đại hội hoặc hội nghị phát hành, được in hoặc viết tay sẵn danh sách bầu cử do đại hội hoặc hội nghị đã thông qua theo vần chữ cái A,B,C... Nếu số lượng người trong danh sách bầu cử bằng với số lượng người được bầu thì phải sử dụng phiếu bầu có cột "đồng ý" và "không đồng ý".

Nếu trong danh sách bầu cử có nhiều người trùng cả họ và tên thì được phép chú thích chức danh hoặc tên cơ quan công tác, đơn vị học tập hoặc cư trú của những người đó tại thời điểm tiến hành bầu cử.

- Phiếu bầu không hợp lệ là:

+ Phiếu không do Đại hội hoặc hội nghị phát hành.

+ Phiếu bầu thừa so với số lượng đã được đại hội, hội nghị quyết định.

+ Phiếu không bầu ai (trừ trường hợp danh sách bầu cử có 1 người).

+ Phiếu viết tên người ngoài danh sách bầu cử được đại hội, hội nghị thông qua.

+ Phiếu có ký hiệu riêng.

- Phiếu bầu thiếu so với số lượng đã được đại hội, hội nghị quyết định vẫn là phiếu hợp lệ.

5- Những trường hợp khác

- Trường hợp bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng đã quyết định bầu, thì việc có tiếp tục bầu nữa hay không do đại hội, hội nghị quyết định.

- Nếu đại hội, hội nghị tiến hành bầu lần thứ 2 mà vẫn thiếu số lượng định bầu thì không tiến hành bầu tiếp nữa. Nếu là bầu các chức danh chủ chốt của Đoàn thì báo cáo với cấp uỷ và Đoàn cấp trên trực tiếp quyết định, nếu là bầu đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên thì báo cáo để Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội quyết định.

- Bầu đại biểu dự đại hội đại biểu Đoàn cấp trên phải bầu đại biểu dự khuyết. Số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội, hội nghị đại biểu quyết định. Không được lấy những người không được quá nửa số phiếu bầu trong danh sách bầu đại biểu chính thức làm đại biểu dự khuyết.

II- VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐOÀN CÁC CẤP

1- Về đại biểu đại hội.

a- Số lượng đại biểu:

Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét quyết định số lượng đại biểu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị.

b- Thành phần đại biểu:

- Uỷ viên Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (kể cả kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể). Uỷ viên Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội ở đơn vị nào là đại biểu chính thức của đoàn đại biểu đơn vị đó.

- Đại biểu do đại hội, hội nghị đại biểu cấp dưới bầu lên theo phân bổ số lượng của Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội. Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu đại hội theo những căn cứ chủ yếu sau:

+ Số lượng đoàn viên.

+ Số lượng tổ chức trực thuộc cấp đó.

+ Tính đặc thù, những đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

- Đại biểu chỉ định: Chỉ chỉ định những trường hợp cần thiết và phải bảo đảm tiêu chuẩn đại biểu. Không chỉ định những người đã bầu cử ở cấp dưới không trúng cử làm đại biểu của đại hội. Đại biểu được chỉ định không quá 5% số lượng đại biểu đại hội.

Đại biểu chỉ định là thành viên của các đoàn đại biểu nơi đại biểu đó công tác.

- Khi đại biểu chính thức (trừ Ủy viên Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội) không đến đại hội được thì đại biểu dự khuyết thay, việc lấy đại biểu dự khuyết theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp.

Trường hợp đã thay thế hết số đại biểu dự khuyết thì Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét, quyết định chỉ định bổ sung theo đề nghị của Ban Thường vụ Đoàn cấp dưới.

2- Về xây dựng ban Chấp hành mới:

a- Xây dựng Ban Chấp hành bảo đảm 5 yêu cầu cơ bản sau:

- Đảm bảo tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định.
- Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.
- Đảm bảo tính thiết thực.
- Đảm bảo tính kế thừa.
- Đảm bảo độ tuổi bình quân.

b- Cơ cấu Ban Chấp hành: Cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm, chủ chốt các cấp, đoàn viên tiêu biểu có điều kiện và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Coi trọng cán bộ trưởng thành từ phong trào thanh niên. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, thành phần dân tộc, cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội,...

Trong dự kiến cơ cấu Ban Chấp hành cần dự kiến cả nhiệm vụ sẽ được phân công sau đại hội.

c- Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đoàn các cấp:

- Chi đoàn:

+ Có dưới 9 đoàn viên: Có Bí thư, nếu cần thiết thì có thể có 01 Phó Bí thư.

+ Có từ 9 đoàn viên trở lên: Ban Chấp hành có từ 3 đến 5 ủy viên, trong đó có Bí thư và Phó Bí thư.

- Đoàn cơ sở: Ban Chấp hành có từ 5 đến 15 ủy viên. Nếu Ban Chấp hành có dưới 9 ủy viên thì có Bí thư và 01 Phó Bí thư; có từ 9 ủy viên trở lên thì bầu Ban Thường vụ gồm Bí thư, Phó Bí thư và các Ủy viên thường vụ; trường hợp cần thiết, sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của cấp ủy Đảng cùng cấp và Đoàn cấp trên trực tiếp Ban Chấp hành có thể bầu 2 Phó Bí thư.

- Đoàn cấp huyện: Ban Chấp hành có từ 15 đến 33 ủy viên; Ban Thường vụ có từ 5 đến 11 ủy viên. Trong Ban Thường vụ có Bí thư và từ 1 đến 2 Phó Bí thư, trường hợp đặc biệt có thể nhiều hơn do Ban Chấp hành quyết định sau khi xin ý kiến và được sự đồng ý của cấp ủy Đảng cùng cấp và Đoàn cấp trên trực tiếp.

- Đoàn cấp tỉnh: Ban Chấp hành có từ 21 đến 45 ủy viên; Ban Thường vụ có từ 7 đến 15 ủy viên và tối đa không quá 3 Phó Bí thư.

Thành đoàn Hà Nội, Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh đoàn Thanh Hoá, Tỉnh đoàn Nghệ An được phép bầu tối đa là 55 uỷ viên Ban chấp hành, 17 uỷ viên Ban Thường vụ và tối đa không quá 4 Phó Bí thư .

3- Về kéo dài hoặc rút ngắn thời gian nhiệm kỳ Đại hội

- Khoản 2, điều 7 Điều lệ Đoàn quy định về nhiệm kỳ Đại hội Đoàn cơ sở Phường được thực hiện như sau: Khi chỉ đạo Đại hội Đoàn cơ sở Phường, Ban Thường vụ Thành đoàn Hà Nội và TP Hồ Chí Minh xem xét và lập danh sách những đơn vị cần rút ngắn thời gian nhiệm kỳ Đại hội và đề nghị Ban Thường vụ Trung ương Đoàn quyết định.

- Đối với tổ chức Đoàn mới thành lập: Ban Thường vụ (ở nơi không có Ban Thường vụ thì Ban Chấp hành) Đoàn cấp trên trực tiếp có quyền quyết định điều chỉnh thời gian nhiệm kỳ Đại hội lần thứ nhất để phù hợp với thời gian nhiệm kỳ đại hội Đoàn cấp trên sau khi thống nhất với cấp uỷ cùng cấp (trừ những nơi không có tổ chức Đảng).

III - VỀ HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU

1- Số lượng đại biểu:

Không nhiều hơn số lượng đại biểu của đại hội nhiệm kỳ. Việc phân bổ số lượng đại biểu của hội nghị đại biểu như căn cứ phân bổ số lượng đại biểu đại hội Đoàn.

2- Thành phần đại biểu của hội nghị đại biểu:

- Uỷ viên Ban Chấp hành cấp triệu tập hội nghị không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (kể cả kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể).

b, Các đại biểu do Ban Chấp hành cấp dưới cử lên gồm:

+ Cán bộ chủ chốt của Ban Chấp hành cấp dưới.

+ Một số cán bộ Đoàn chuyên trách, không chuyên trách.

+ Đoàn viên tiêu biểu.

Danh sách đại biểu dự hội nghị đại biểu cấp trên do Ban Chấp hành cấp dưới thảo luận, thống nhất đề nghị; Ban Chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định chuẩn y và triệu tập.

IV- CHO RÚT TÊN, XOÁ TÊN, THÔI GIỮ CHỨC VỤ VÀ BỔ SUNG UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH, UỶ VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ, BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN CÁC CẤP

Việc này áp dụng với cả uỷ viên Uỷ ban kiểm tra và Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra các cấp tương đương.

1- Việc cho rút tên, xoá tên, thôi giữ chức vụ

Ủy viên Ban Chấp hành chuyển khỏi công tác Đoàn hoặc đơn vị công tác thì rút tên khỏi Ban Chấp hành. Ban Thường vụ có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Ban Chấp hành quyết định trong kỳ họp gần nhất.

Đối với các chức danh Bí thư Đoàn các cấp trước khi cho rút tên khỏi danh sách Ban Chấp hành phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp uỷ Đảng (ở nơi có cấp uỷ Đảng) và Đoàn cấp trên trực tiếp.

Nếu rút tên hoặc xoá tên trong Ban Chấp hành thì không còn là Ủy viên Ban Thường vụ và không còn giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư (nếu có). Nếu chỉ rút tên trong Ban Thường vụ thì không còn giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư (nếu có) nhưng vẫn còn là Ủy viên Ban Chấp hành. Nếu chỉ thôi giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư thì vẫn còn là Ủy viên Ban Thường vụ.

2- Việc bổ sung, kiện toàn

- Chỉ bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành, uỷ viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư khi khuyết các chức danh đó.

- Sau khi bầu bổ sung thì gửi văn bản đề nghị, biên bản bầu cử, biên bản họp Ban Chấp hành và lý lịch trích ngang của người được bầu lên Đoàn cấp trên xét quyết định công nhận trong thời hạn không quá 15 ngày.

a- Bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành từ cấp tỉnh trở xuống:

- Trong phạm vi hai phần ba (2/3) số uỷ viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định, thì hội nghị Ban Chấp hành bầu.

Việc bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành quá phạm vi hai phần ba (2/3) số uỷ viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định thì phải tổ chức hội nghị đại biểu để bầu cử.

- Đối với Đoàn cơ sở, trong trường hợp đặc biệt do yêu cầu của công tác cán bộ, Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp sau khi thống nhất với cấp uỷ cùng cấp có thể quyết định cho Đoàn cấp dưới bầu bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành với số lượng vượt quá hai phần ba (2/3) nhưng không quá số lượng uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Sau khi bầu bổ sung, Ban Thường vụ cấp quyết định phải báo cáo bằng văn bản lên Đoàn cấp trên trực tiếp.

b- Bổ sung uỷ viên Ban Thường vụ:

Ban Chấp hành bầu bổ sung uỷ viên Ban Thường vụ trong số các uỷ viên Ban Chấp hành.

c- Kiện toàn Bí thư, bổ sung Phó Bí thư

Ban Chấp hành bầu Bí thư, Phó Bí thư trong số các uỷ viên Ban Thường vụ. Trước khi tiến hành bầu phải được sự thống nhất của cấp uỷ cùng cấp và Đoàn cấp trên trực tiếp.

d- Bổ sung người chưa phải là uỷ viên Ban Chấp hành vào Ban Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư của cấp đó:

Ban Chấp hành tiến hành bầu bổ sung người đó vào Ban Chấp hành sau đó bầu vào Ban Thường vụ, bầu Bí thư, Phó Bí thư.

Trong cùng một cuộc họp, người vừa được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành chưa có quyền bầu cử tại cuộc họp đó.

e- Trường hợp cần thiết, Đoàn cấp trên trực tiếp có quyền:

- Chỉ định người vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ các chức danh theo đề nghị của Ban Chấp hành Đoàn cấp dưới (nếu cấp uỷ cùng cấp thống nhất).

- Chỉ định tăng thêm số lượng uỷ viên Ban Chấp hành cấp dưới nhưng phải đảm bảo số lượng uỷ viên Ban Chấp hành cấp đó theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và không vượt quá 15% so với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành đã được đại hội quyết định.

V- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, THAM GIA HOẠT ĐỘNG VỚI CẤP CƠ SỞ CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN CÁC CẤP

1- Đối với Uỷ viên Ban Chấp hành các cấp đang trong độ tuổi đoàn viên phải tham gia sinh hoạt theo đúng nhiệm vụ của người đoàn viên.

2- Đối với Uỷ viên Ban Chấp hành không trong độ tuổi đoàn viên:

- Uỷ viên Ban Chấp hành cấp nào thực hiện nhiệm vụ và chế độ sinh hoạt, hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành cấp đó.

- Nếu một đồng chí tham gia Uỷ viên Ban Chấp hành của nhiều cấp thì thực hiện theo chế độ Uỷ viên Ban Chấp hành cao nhất mà đồng chí đó tham gia.

3- Chế độ sinh hoạt, hoạt động với cấp cơ sở được kiểm điểm trong báo cáo kiểm điểm hàng năm của Uỷ viên Ban Chấp hành các cấp của Đoàn và là một trong các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Uỷ viên Ban Chấp hành.

VI- HỘI NGHỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH CHI ĐOÀN VÀ ĐOÀN CƠ SỞ Ở NHỮNG NƠI ĐẶC THÙ

Ban Chấp hành chi đoàn, Đoàn cơ sở ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi hoặc ở các đơn vị sản xuất kinh doanh mà đoàn viên phân tán (được Đoàn cấp trên trực tiếp xét chứng nhận) nếu không thể tiến hành họp một tháng một lần thì 3 tháng họp ít nhất một lần.

VII- TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN

Thực hiện theo hướng dẫn liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

VIII - TỔ CHỨC ĐOÀN TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP HUYỆN

1- Điều kiện xét công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện:

- Có từ 1000 đoàn viên trở lên.

- Là đơn vị có nhiệm vụ chính trị quan trọng, có mối liên hệ với nhiều ngành, nhiều đơn vị trong công tác và sinh hoạt hoặc hoạt động ở nhiều lĩnh vực, địa bàn, tính chất công việc độc lập.

- Có cán bộ Đoàn chuyên trách (đối với trường hợp tương đương cấp huyện nhưng trực thuộc huyện, quận Đoàn thì có thể là cán bộ kiêm nhiệm).

- Có văn phòng làm việc và nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

- Được cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và Đoàn cấp trên trực tiếp xác nhận và đề nghị công nhận là tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện.

2- Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện

Tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện có hai loại như sau:

a- Loại 1: Đoàn tương đương cấp huyện trực thuộc Đoàn cấp tỉnh có đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy và con dấu như Đoàn cấp huyện.

b- Loại 2: Đoàn tương đương cấp huyện trực thuộc Đoàn cấp huyện, sử dụng con dấu theo quy cách con dấu của Đoàn cơ sở nhưng được giao một số nhiệm vụ, quyền hạn tương đương cấp huyện là:

- Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn cấp dưới trong phạm vi quản lý như cấp huyện.

- Trích tỷ lệ Đoàn phí để lại cơ sở như quy định đối với Đoàn cấp huyện.

3- Thẩm quyền quyết định công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện:

- Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh căn cứ đề nghị của Ban Thường vụ huyện Đoàn (và tương đương), căn cứ các điều kiện đã quy định (tại mục 1) để xét ra quyết định công nhận tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện và báo cáo về Trung ương Đoàn.

- Tổ chức bộ máy của tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện do Đoàn cấp trên trực tiếp và cấp uỷ cùng cấp quyết định.

- Nếu các tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện có sự thay đổi không còn đủ các điều kiện quy định thì Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh xem xét, quyết định lại cho phù hợp và báo cáo về Trung ương Đoàn.

IX- CHUYỂN GIAO VÀ TIẾP NHẬN TỔ CHỨC ĐOÀN

1- Các trường hợp chuyển giao và tiếp nhận tổ chức Đoàn:

- Việc chuyển giao và tiếp nhận một tổ chức Đoàn được tiến hành khi có sự thay đổi địa giới hành chính, cơ cấu tổ chức, cơ cấu ngành, v.v...

- Đơn vị có tổ chức Đoàn chuyển đến nơi mới không tiếp tục nằm trong sự quản lý lãnh đạo của địa phương hay cơ quan quản lý cũ.

- Trường hợp một bộ phận đoàn viên của tổ chức Đoàn ở quá xa trung tâm điều hành và quản lý gây nhiều khó khăn trong chỉ đạo và sinh hoạt Đoàn thì có thể chuyển giao bộ phận đó về sinh hoạt với tổ chức Đoàn theo khu vực hành chính nơi cơ quan, đơn vị đóng sau khi xin ý kiến của Đoàn cấp trên trực tiếp.

2- Cấp chuyển giao, tiếp nhận:

- Ban Thường vụ Đoàn cơ sở chuyển giao, tiếp nhận chi đoàn.
- Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện chuyển giao, tiếp nhận Đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở.
- Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh chuyển giao, tiếp nhận Đoàn cấp huyện.

3- Thủ tục chuyển giao và tiếp nhận:

- Công văn đề nghị của tổ chức Đoàn chuyển đi gửi Đoàn cấp trên trực tiếp và cấp bộ Đoàn tiếp nhận.

- Công văn của cấp bộ Đoàn cấp trên trực tiếp có tổ chức Đoàn chuyển đi gửi cấp bộ Đoàn tiếp nhận.

- Danh sách Ban Chấp hành Đoàn, Ủy Ban kiểm tra, cán bộ Đoàn chuyên trách (nếu có); bảng thống kê số lượng, chất lượng đoàn viên, đội ngũ cán bộ đoàn và tổ chức Đoàn của đơn vị chuyển đi.

- Quyết định của cấp bộ Đoàn có trách nhiệm tiếp nhận .

4- Nội dung chuyển giao và tiếp nhận:

- Tình hình tư tưởng của cán bộ, đoàn viên thanh niên.
- Công tác tổ chức, cán bộ.
- Những nhiệm vụ công tác đang tiến hành cần tiếp tục giải quyết.
- Các loại văn bản, sổ sách Đoàn vụ và tài chính, tài sản.

X- CHIA TÁCH, SÁP NHẬP TỔ CHỨC ĐOÀN

1- Các trường hợp chia tách, sáp nhập tổ chức Đoàn

a- Chia tách tổ chức Đoàn trong các trường hợp:

Có sự chia tách đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, v.v□ thành các đơn vị ngang cấp (như chia tách một tỉnh, huyện, xã thành nhiều tỉnh, huyện, xã; chia tách một Bộ, Sở thành nhiều Bộ, Sở; v.v□) theo đó, tổ chức Đoàn thuộc các đơn vị này cũng chia tách thành hai hay nhiều tổ chức Đoàn ngang cấp.

b- Sáp nhập tổ chức Đoàn trong các trường hợp:

Có sự sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, v.v□ thành đơn vị ngang cấp (như sáp nhập hai hay nhiều tỉnh, huyện, xã thành một tỉnh, huyện, xã; sáp nhập hai hay nhiều Bộ, Sở thành nhiều Bộ, Sở; v.v□) theo đó, tổ chức Đoàn thuộc các đơn vị này cũng sáp nhập thành một tổ chức Đoàn ngang cấp.

c- Việc chia tách, sáp nhập tổ chức Đoàn có thể diễn ra đồng thời trong trường hợp chia tách các bộ phận của hai hay nhiều đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học v.v... để sáp nhập các bộ phận đó lại thành một đơn vị ngang cấp với đơn vị khi chưa chia tách (như tách một hay nhiều huyện của hai hay nhiều tỉnh để thành lập tỉnh mới) theo đó tổ chức Đoàn của những đơn vị này cũng được chia tách để sáp nhập thành một tổ chức Đoàn mới.

2- Thẩm quyền quyết định và thủ tục chia tách, sáp nhập tổ chức Đoàn

a- Chia tách:

- Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định chia tách tổ chức Đoàn.

- Sau khi thống nhất với cấp uỷ Đảng (nếu có) của đơn vị chia tách, Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư lâm thời của các tổ chức Đoàn mới chia tách.

b- Sáp nhập:

- Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định sáp nhập tổ chức Đoàn.

Sau khi thống nhất với cấp uỷ Đảng (nếu có) của đơn vị mới sáp nhập, Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư lâm thời của tổ chức Đoàn mới sáp nhập.

Hồ sơ chia tách, sáp nhập gồm:

+ Văn bản đề nghị của tổ chức Đoàn được chia tách, các tổ chức Đoàn được sáp nhập gửi cấp bộ Đoàn cấp trên trực tiếp.

+ Đề án chia tách hoặc sáp nhập tổ chức Đoàn có ý kiến nhất trí của cấp uỷ (nếu có).

+ Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc chia tách hoặc sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, doanh nghiệp, trường học .v.v□

- Trường hợp chia tách để sáp nhập thành một tổ chức Đoàn mới thì thẩm quyền quyết định và thủ tục như thành lập tổ chức Đoàn mới.

PHẦN THỨ BA NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN

I- CHI ĐOÀN

1- Chi đoàn là tổ chức tế bào của Đoàn, là hạt nhân nòng cốt đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi.

Chi đoàn sinh hoạt định kỳ 01 tháng 01 lần.

Chi đoàn trên địa bàn dân cư ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, ở các đơn vị mà đoàn viên phân tán trên địa bàn rộng hoặc thường xuyên đi công tác khỏi địa bàn, cơ quan được Đoàn cấp trên xác nhận thì 03 tháng sinh hoạt ít nhất 01 lần.

2- Các loại hình chi đoàn có tính chất đặc thù

- Chi đoàn được thành lập trong các đội hình thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ, các đơn vị, tổ, đội, nhóm công tác, hợp tác xã v.v□ có thời gian từ 6 tháng trở lên có thể trực thuộc Đoàn cấp trên trực tiếp nơi lập ra chi đoàn đó hoặc trực thuộc Đoàn cơ sở nơi các chi đoàn đó hoạt động.

- Trong các khu tập thể, khu nhà trọ của công nhân, khu công nghiệp, khu chế xuất, các nhà máy, xí nghiệp v.v□ chưa có tổ chức Đoàn thì Đoàn xã, phường, thị trấn nơi đó tiến hành thành lập các chi đoàn trực thuộc. Các chi đoàn này sẽ là hạt nhân để tiến tới thành lập tổ chức Đoàn tại các đơn vị đó.

- Việc thành lập chi đoàn ở những nơi đào tạo theo tín chỉ do Ban Chấp hành Đoàn trường căn cứ điều kiện cụ thể quyết định cho phù hợp.

- Đối với những đơn vị có liên kết đào tạo, đoàn viên sinh hoạt và chịu sự quản lý của chi đoàn, Đoàn trường nơi đoàn viên học tập.

3- Chi đoàn tạm thời

- Trong các đội hình thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ, các đơn vị, tổ, đội, nhóm công tác v.v□ có thời gian từ 1 tháng đến dưới 6 tháng và có từ 3 đoàn viên trở lên chuyển đến sinh hoạt và lao động, công tác ở cùng một địa bàn thì đoàn cấp trên trực tiếp nơi lập ra các đội hình trên có thể ra quyết định thành lập chi đoàn sinh hoạt tạm thời, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời, Bí thư của chi đoàn đó và bàn giao cho nơi nhận.

- Chi đoàn tạm thời có nhiệm vụ tổ chức hoạt động thực hiện nghị quyết của Đoàn cấp trên nơi đang sinh hoạt, lao động, công tác, quản lý đoàn viên, thu nộp đoàn phí và giữ mối liên hệ với cấp bộ Đoàn nơi thành lập.

- Đoàn viên trong chi đoàn sinh hoạt tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như đoàn viên chuyển sinh hoạt tạm thời.

4- Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và sinh hoạt chi đoàn; tổ chức nghiên cứu, xây dựng mô hình để phát triển các loại hình chi đoàn có tính chất đặc thù; hướng dẫn hoạt động cho chi đoàn tạm thời phù hợp điều kiện, đặc điểm của địa phương và đảm bảo đúng nguyên tắc của Điều lệ Đoàn.

II- VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP ĐOÀN CƠ SỞ, CHI ĐOÀN CƠ SỞ

1- Đoàn cơ sở là cấp trên trực tiếp của chi đoàn. Đơn vị có từ 02 chi đoàn trở lên và có ít nhất 30 đoàn viên thì thành lập Đoàn cơ sở.

Đối với xã, phường, thị trấn có từ 2 chi đoàn trở lên nhưng không đủ 30 đoàn viên vẫn thành lập Đoàn cơ sở.

2- Những chi đoàn có tính chất đặc thù về nhiệm vụ chính trị, về địa giới hành chính hoặc đối tượng, được sự thống nhất của cấp uỷ Đảng cùng cấp (nếu có) thì thành lập chi đoàn cơ sở và do Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện, cấp tỉnh hoặc tương đương quyết định.

Chi đoàn cơ sở được sử dụng con dấu theo quy định và có nhiệm vụ, quyền hạn tương đương Đoàn cơ sở.

III- TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN TRONG DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1- Trường hợp đơn vị chủ quản cấp trên của doanh nghiệp có vốn đầu nước ngoài không có tổ chức Đoàn thì chi đoàn, Đoàn cơ sở sẽ trực thuộc huyện Đoàn, tỉnh Đoàn. Nếu đơn vị chủ quản cấp trên có tổ chức đoàn khối, Đoàn ngành thì chi đoàn, Đoàn cơ sở sẽ trực thuộc Đoàn khối, Đoàn ngành.

2- Trường hợp có từ 03 đoàn viên trở lên đang làm việc trong cùng doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nơi chưa có tổ chức Đoàn song các đoàn viên này hiện đang cư trú trên cùng một địa bàn thì Đoàn cơ sở nơi cư trú hoặc Đoàn cấp huyện có thể ra quyết định thành lập chi đoàn. Những đoàn viên này có trách nhiệm làm nòng cốt để tiến tới thành lập tổ chức cơ sở Đoàn trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nơi đang làm việc.

3- Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn thành lập tổ chức Đoàn trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn đảm bảo đúng Điều lệ Đoàn.

IV- VỀ LIÊN CHI ĐOÀN

1- Trong một địa bàn, lĩnh vực hoạt động có nhiều chi đoàn, có nhu cầu liên kết phối hợp thì có thể hình thành liên chi đoàn.

2- Nhiệm vụ, quyền hạn liên chi Đoàn:

- Hướng dẫn kiểm tra các chi đoàn trong việc thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành Đoàn cấp trên.

- Xét và đề xuất với Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp những đề nghị của chi Đoàn về công tác tổ chức, khen thưởng, kỷ luật đoàn viên và cán bộ đoàn.

3- Nhiệm kỳ của liên chi đoàn là 5 năm 2 lần.

- Ban Chấp hành liên chi đoàn có số lượng từ 3 đến 11 uỷ viên và không nhiều hơn số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp.

- Đoàn cấp trên trích tỷ lệ đoàn phí cho các liên chi đoàn hoạt động trong tỷ lệ đoàn phí được trích của cấp mình.

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC ĐOÀN KHỐI, ĐOÀN NGÀNH, ĐOÀN Ở NƯỚC NGOÀI, BAN CÁN SỰ ĐOÀN, BAN CÔNG TÁC THANH NIÊN VÀ ĐOÀN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

I- ĐOÀN KHỐI

1- Đoàn khối là một cấp bộ Đoàn hoàn chỉnh được thành lập từ cấp huyện trở lên tương ứng với cơ cấu tổ chức của Đảng, do Đoàn cấp trên quyết định thành lập.

2- Điều kiện thành lập Đoàn khối trực thuộc cấp tỉnh trở lên:

- Có từ 500 đoàn viên trở lên.
- Có cán bộ Đoàn chuyên trách.
- Có văn phòng làm việc và được cấp nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

3- Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế cơ quan chuyên trách của Đoàn khối trực thuộc Đoàn cấp tỉnh và cấp huyện do Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp và cấp uỷ Đảng cùng cấp quyết định.

II- ĐOÀN NGÀNH

1- Đoàn ngành là hệ thống tổ chức Đoàn trong cùng một ngành, là một cấp bộ Đoàn hoàn chỉnh được thành lập ở cấp tỉnh và Trung ương. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn ngành được quy định trong quyết định thành lập của Đoàn cấp trên trực tiếp.

2- Điều kiện thành lập Đoàn ngành:

- Có tổ chức Đảng, chính quyền thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo theo hệ thống ngành dọc từ trên đến cơ sở.

- Có từ 1000 đoàn viên trở lên.
- Có cán bộ Đoàn chuyên trách.
- Có văn phòng làm việc và được cấp nguồn kinh phí hoạt động ổn định.

3- Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế cơ quan chuyên trách của Đoàn ngành do Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp và cấp uỷ Đảng cùng cấp quyết định.

III- BAN CÁN SỰ ĐOÀN

1- Các tổ chức Đoàn trong cùng một ngành hoặc khác ngành hoạt động trên cùng một địa bàn, một lĩnh vực có nhu cầu phối hợp hoạt động và được sự thống nhất lãnh đạo của cấp uỷ Đảng (nếu có) ở các đơn vị đó thì có thể thành lập Ban cán sự Đoàn.

Ban cán sự Đoàn là một cấp bộ Đoàn không hoàn chỉnh do Đoàn cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập. Nếu ở tỉnh, thành phố thì trực thuộc tỉnh, thành Đoàn, ở nước ngoài thì trực thuộc Trung ương Đoàn.

Ban cán sự Đoàn gồm các chức danh Bí thư, Phó bí thư và các uỷ viên Ban cán sự. Ban cán sự Đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nhiệm kỳ của Ban cán sự Đoàn là 5 năm.

2- Nhiệm vụ quyền hạn của Ban cán sự Đoàn:

a- Nhiệm vụ:

+ Tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi trong đơn vị; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình công tác của Đoàn cấp trên và cấp uỷ Đảng cùng cấp về công tác thanh thiếu nhi.

+ Đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, đoàn viên, thanh niên.

+ Xây dựng và phát triển tổ chức Đoàn, Hội, Đội. Thực hiện công tác quản lý Đoàn viên và tổ chức cơ sở Đoàn trong phạm vi phụ trách.

b- Quyền hạn:

+ Được sử dụng con dấu theo quy định.

+ Được trích tỷ lệ đoàn phí để phục vụ các hoạt động của Đoàn và một số quyền hạn như một cấp bộ Đoàn do cấp bộ Đoàn thành lập quy định.

+ Được ra quyết định khen thưởng, được cấp giấy khen và đề nghị Đoàn cấp trên trực tiếp các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn cấp dưới theo điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

IV- BAN CÔNG TÁC THANH NIÊN

1- Ban công tác thanh niên được thành lập ở một số Bộ, Ngành, Tập đoàn kinh tế nhằm tham mưu cho lãnh đạo Bộ, ngành lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của công tác thanh niên và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách về thanh niên...

2- Nhiệm vụ của Ban công tác thanh niên được quy định trong nội dung liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với lãnh đạo Bộ, ngành liên quan.

V- ĐOÀN Ở NƯỚC NGOÀI

Thực hiện theo Hướng dẫn liên tịch giữa Ban Bí thư Trung ương Đoàn với Đảng uỷ ngoài nước.

VI- ĐOÀN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

1- Đoàn các trường đại học, cao đẳng không phải là thành viên Đại học Quốc gia, Đại học khu vực:

- Là cấp bộ đoàn tương đương cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn và con dấu như Đoàn cấp huyện do Ban Thường vụ Đoàn cấp tỉnh quyết định thành lập.

- Nhiệm kỳ đại hội: 5 năm 2 lần.

2- Đoàn Đại học quốc gia, đại học khu vực:

- Là cấp bộ Đoàn tương đương cấp huyện do Ban Thường vụ tỉnh, thành Đoàn ra quyết định thành lập; có nhiệm vụ, quyền hạn, con dấu như Đoàn cấp huyện và có một số nhiệm vụ, quyền hạn do cấp bộ Đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ đại hội 5 năm 1 lần.

3- Ban cán sự Đoàn Đại học Quốc gia, Đại học khu vực:

- Do Ban Thường vụ tỉnh, thành Đoàn quyết định thành lập, có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại mục III, phần thứ tư - Hướng dẫn thực hiện điều lệ Đoàn và có một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do cấp bộ Đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ là 5 năm 1 lần.

4- Đoàn các trường là thành viên Đại học Quốc gia, Đại học khu vực:

- Là tổ chức Đoàn tương đương cấp huyện loại 2, có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm b, khoản 2, mục VIII, phần thứ hai - Hướng dẫn thực hiện điều lệ Đoàn. Ngoài ra, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ với Ban cán sự Đoàn Đại học Quốc gia, Đại học khu vực do cấp bộ Đoàn thành lập quy định.

- Nhiệm kỳ đại hội 5 năm 2 lần.

5- Liên chi đoàn:

- Liên chi Đoàn có thể được thành lập theo các khoa chuyên ngành, ngành học, khoá học... khi có ít nhất từ 3 chi đoàn trở lên do Ban Thường vụ Đoàn trường quyết định, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Đoàn trường và sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng (nếu có).

- Chức năng nhiệm vụ quyền hạn của liên chi đoàn:

Ngoài chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 2, mục IV, phần thứ ba - Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn, liên chi đoàn có nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Đề xuất và phối hợp với Chủ nhiệm khoa (hoặc thủ trưởng đơn vị quản lý theo khoá học), các tổ bộ môn và các Đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, sinh viên.

+ Đại diện cho sinh viên tham gia các hội đồng, các cuộc họp của khoa, khoá liên quan đến vấn đề sinh viên, được phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của sinh viên.

PHẦN THỨ NĂM
TỔ CHỨC ĐOÀN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

A- TỔ CHỨC ĐOÀN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I - NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC VÀ LÃNH ĐẠO ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1- Tổ chức Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một bộ phận của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Tổ chức và hoạt động của Đoàn trong Quân đội thực hiện theo Điều lệ Đoàn, nghị quyết của Đại hội Đoàn toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, nghị quyết của Đảng uỷ Quân sự Trung ương, quy định của Bộ Quốc phòng, chỉ thị của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và sự hướng dẫn của Ban công tác Thanh niên Quân đội. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Quân đội chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở: cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương trở xuống đến các đại đội và tương đương.

2- Nhiệm vụ của tổ chức Đoàn trong Quân đội:

- Tập hợp, đoàn kết, giáo dục, rèn luyện đoàn viên thanh niên có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành chức trách quân nhân. Thường xuyên bổ sung lực lượng nòng cốt cho phong trào cách mạng của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động của thanh niên phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của đơn vị, của quân đội, tích cực tham gia xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh toàn diện xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

3- Công tác thanh niên trong Quân đội do Đảng uỷ Quân sự Trung ương lãnh đạo, ở mỗi cấp do cấp uỷ trực tiếp lãnh đạo.

- Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp quản lý, chỉ đạo mọi mặt đối với công tác thanh niên và tổ chức Đoàn trong toàn quân.

- Cơ quan chính trị các cấp trực tiếp quản lý, chỉ đạo mọi mặt với công tác thanh niên và tổ chức Đoàn trong các đơn vị thuộc quyền.

- Cấp uỷ Đảng, chính uỷ, chính trị viên, cơ quan chính trị ở đơn vị cơ sở trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý mọi mặt đối với tổ chức Đoàn cơ sở theo sự chỉ đạo của cơ quan chính trị và hướng dẫn của Ban công tác thanh niên cấp trên.

- Cán bộ chỉ huy và cơ quan các cấp có trách nhiệm phát huy vai trò của tổ chức Đoàn.

4- Để giúp cấp uỷ Đảng, chính uỷ, chính trị viên cơ quan chính trị lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh niên, từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến toàn quân có trợ

lý thanh niên và Ban Công tác thanh niên do Chủ nhiệm chính trị cùng cấp trực tiếp chỉ đạo.

Ban công tác thanh niên có hai chức năng chủ yếu: Nghiên cứu, đề xuất chủ trương, biện pháp tiến hành công tác vận động thanh niên và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của tổ chức Đoàn ở cơ sở.

5- Tổ chức Đoàn thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan quân sự địa phương, bộ đội địa phương được tổ chức và hoạt động theo cơ chế tổ chức Đoàn trong Quân đội; chịu sự quản lý về đoàn số, đoàn phí và hướng dẫn công tác của tổ chức Đoàn địa phương, có quyền bầu cử, ứng cử vào các cấp bộ Đoàn địa phương. Cán bộ phụ trách công tác thanh niên của phòng chính trị được giới thiệu tham gia vào Ban Chấp hành tỉnh, thành Đoàn.

6 - Đại hội Đoàn cấp trên cơ sở do cơ quan chính trị triệu tập và tổ chức theo quy định của Điều lệ và hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

II- TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1- Về tổ chức:

a, Tổ chức cơ sở Đoàn do Đảng uỷ cơ sở hoặc cơ quan chính trị cấp trên quyết định thành lập theo điều lệ Đoàn và phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị và quân đội.

- Tổ chức Đoàn cơ sở trong bộ đội chủ lực được thành lập ở các đơn vị:

+ Trung đoàn, lữ đoàn; hải đoàn, hải đội, tiểu đoàn và tương đương trực thuộc sư đoàn, vùng hải quân.

+ Ở các hệ, tiểu đoàn quản lý học viên và đơn vị tương đương; các phòng, khoa thuộc các học viện, trường sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn, bệnh viện trực thuộc Bộ; trường hạ sĩ quan, trường trung cấp và dạy nghề; bệnh viện thuộc quân khu, quân chủng, tổng cục; cấp cục, phòng thuộc Bộ Tổng tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục, quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng, binh đoàn; cấp phòng thuộc sư đoàn, vùng hải quân và tương đương.

- Tổ chức Đoàn cơ sở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương; cơ quan, đơn vị bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập ở các đơn vị:

+ Cấp phòng thuộc bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố.

+ Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ Tiểu khu, đồn biên phòng cửa khẩu, cảng; tiểu đoàn, đại đội và đơn vị tương đương thuộc bộ chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố.

- Tổ chức Đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp được thành lập ở công ty, nhà máy, xí nghiệp và tương đương.

b, Hình thức tổ chức:

Tổ chức cơ sở Đoàn trong quân đội nhân dân Việt Nam có Đoàn cơ sở 3 cấp, Đoàn cơ sở 2 cấp, Đoàn cơ sở 1 cấp (Chi đoàn cơ sở).

- Đoàn cơ sở 3 cấp ở trung đoàn, lữ đoàn và tương đương có liên chi đoàn ở tiểu đoàn, chi đoàn ở đại đội và tương đương.

- Đoàn cơ sở cấp 2 ở tiểu đoàn và tương đương có các chi Đoàn ở đại đội và tương đương. Đoàn cơ sở cấp 1 (chi đoàn đại đội độc lập hoặc chi đoàn trực thuộc cơ quan cấp phòng, cục và tương đương).

- Phân đoàn được tổ chức ở phân đội hoặc tiểu đội, khẩu hiệu và tương đương do Ban Chấp hành Đoàn cơ sở quyết định.

c, Về Ban Chấp hành Đoàn các cấp:

- Việc bầu Ban Chấp hành Đoàn các cấp tiến hành theo Điều lệ Đoàn và hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

- Trong điều kiện không tổ chức đại hội được thì cấp uỷ Đảng cơ sở nơi không có đảng uỷ cơ sở, do cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành Đoàn cơ sở, Ban Chấp hành Đoàn cấp trên chỉ định Ban Chấp hành Đoàn cấp dưới. Trường hợp cần bổ sung thì tiến hành bầu bổ sung hoặc chỉ định Ban Chấp hành như quy định trên.

- Bầu Bí thư trực tiếp tại đại hội chỉ thực hiện ở cấp chi đoàn.

- Ban Chấp hành Đoàn ở trung Đoàn, lữ đoàn và tương đương có 9 đến 15 uỷ viên. Ban Thường vụ có 3 đến 5 uỷ viên, nhiệm kỳ 5 năm 1 lần.

- Ban Chấp hành Đoàn ở tiểu đoàn và tương đương, liên chi đoàn có 5 đến 9 uỷ viên, nhiệm kỳ 5 năm 2 lần

- Ban Chấp hành chi đoàn có 3 đến 7 uỷ viên, nhiệm kỳ là 1 năm.

2- Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức Đoàn cơ sở.

a, Nhiệm vụ:

- Giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng XHCN, lòng yêu nước và truyền thống cách mạng, truyền thống quân đội, ý thức công dân, trách nhiệm quân dân, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho đoàn viên thanh niên.

- Tổ chức hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

- Chủ động, tích cực tham gia có hiệu quả vào các hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá ở đơn vị, góp phần chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết những nguyện vọng, quyền lợi chính đáng hợp pháp của thanh niên.

- Quan hệ với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quan, tổ chức các hoạt động phối hợp giữa thanh niên trong và ngoài quân đội góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị và địa phương, tham gia xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh ở địa phương nơi đóng quan và chăm sóc, giáo dục bảo vệ thiếu niên và nhi đồng.

- Đoàn kết, tập hợp thanh niên, xây dựng Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức và tích cực tham gia xây dựng Đảng.

b, Quyền hạn:

- Đại diện và bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của cán bộ, đoàn viên thanh niên trước pháp luật, điều lệnh quân đội công luận.

- Tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, các hoạt động văn hoá, xã hội tạo nguồn kinh phí cho Đoàn hoạt động theo quy định của Tổng cục Chính trị

c, Quyền hạn giải quyết công việc nội bộ Đoàn:

- Ban Chấp hành Đoàn cơ sở ở trung đoàn và tương đương có quyền:

+ Chuẩn y kết nạp Đoàn viên.

+ Công nhận Ban Chấp hành liên chi đoàn trực thuộc.

+ Quyết định biểu dương, cấp giấy khen của Đoàn, đề nghị cấp trên khen thưởng cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn.

+ Yêu cầu chi Đoàn xét và quyết định xoá tên trong danh sách đoàn viên đối với những đoàn viên không tham gia sinh hoạt Đoàn hoặc không đóng đoàn phí 3 tháng trong 1 năm mà không có lý do chính đáng.

+ Quyết định thi hành kỷ luật đến hình thức khai trừ đối với đoàn viên và cách chức uỷ viên Ban Chấp hành liên chi đoàn; khiển trách cảnh cáo đối với uỷ viên Ban Chấp hành Đoàn cơ sở. Các hình thức kỷ luật cao hơn do Ban Chấp hành Đoàn cơ sở xét và đề nghị, cấp uỷ Đảng cơ sở chuẩn y.

- Ban Chấp hành liên chi đoàn ở tiểu đoàn và đơn vị tương đương có quyền:

+ Hướng dẫn, kiểm tra các chi đoàn làm công tác phát triển Đoàn; xét duyệt và đề nghị lên đoàn cấp trên chuẩn y đề nghị của chi đoàn và kết nạp đoàn viên, giới thiệu đoàn viên ưu tú với chi bộ.

+ Công nhận Ban Chấp hành chi đoàn, chỉ định bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành chi đoàn.

+ Biểu dương và đề nghị cấp trên khen thưởng cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn.

+ Quyết định thi hành kỷ luật với hình thức khiển trách, cảnh cáo đoàn viên và khiển trách đối với uỷ viên Ban Chấp hành chi đoàn.

- Ban Chấp hành chi đoàn có quyền:

+ Xét và đề nghị kết nạp đoàn viên.

+ Đề nghị chi đoàn xem xét quyết định xoá tên trong danh sách đoàn viên đối với đoàn viên không tham gia sinh hoạt Đoàn hoặc không đóng đoàn phí 3 tháng trong 1 năm mà không có lý do chính đáng.

+ Quyết định thi hành kỷ luật khiển trách đối với đoàn viên.

+ Xét và đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên từ cảnh cáo trở lên.

+ Nhận xét đoàn viên có đủ tiêu chuẩn vào Đảng, giới thiệu với chi bộ và đề nghị Ban Chấp hành Đoàn cấp trên ra nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng, nếu là chi đoàn cơ sở thì được quyền giới thiệu đoàn viên vào Đảng thay cho một đảng viên chính thức.

- Ban Chấp hành Đoàn cơ sở ở tiểu đoàn và tương đương được quyền như Ban Chấp hành Đoàn cơ sở ở trung đoàn, nhưng không có quyền cấp giấy khen cho cán bộ, đoàn viên.

- Ban Chấp hành Đoàn cơ sở cấp 1 có quyền hạn như chi đoàn thuộc đoàn cơ sở cấp 2, 3. Các quyền hạn cao hơn do cấp uỷ Đảng cơ sở quyết định.

III- MỐI LIÊN HỆ VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA TỔ CHỨC ĐOÀN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỚI TỔ CHỨC ĐOÀN ĐỊA PHƯƠNG NƠI ĐÓNG QUÂN

1- Tổ chức Đoàn trong quân đội liên hệ chặt chẽ và phối hợp hoạt động với tổ chức Đoàn địa phương nơi đóng quân theo các nội dung:

- Giáo dục và chuẩn bị tốt về mọi mặt cho thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, nâng cao ý thức trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, tham gia chính sách hậu phương quân đội; giáo dục truyền thống cách mạng và tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên địa phương thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật. Phát huy trách nhiệm của các đoàn thể, gia đình, nhà trường góp phần giáo dục, động viên thanh niên làm tốt nghĩa vụ quân sự trong thời gian tại ngũ.

- Giúp đỡ nhân dân và thanh niên địa phương đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng địa phương vững mạnh về mọi mặt.

- Phối hợp và tham gia các phong trào của Đoàn ở địa phương, động viên, cổ vũ, giúp đỡ và học tập lẫn nhau để xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn, xã hội, bài trừ các tệ nạn xã hội, những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, đấu tranh với các phần tử xấu, phản động.

- Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng.

2- Tổ chức Đoàn trong quân đội được giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Đoàn ở địa phương.

- Các đơn vị bộ đội địa phương; Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thể cử cán bộ làm công tác thanh niên tham gia cấp bộ Đoàn ở địa phương.

- Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh, tính chất, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, cán bộ làm công tác thanh niên cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, sư đoàn có thể tham gia vào Ban Chấp hành tỉnh, thành Đoàn nơi đóng quân. Ban Thường vụ tỉnh, thành đoàn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chính trị các đơn vị để làm công tác nhân sự.

- Cán bộ làm công tác thanh niên từ cấp trung đoàn trở xuống đến đơn vị cơ sở có thể tham gia vào Ban Chấp hành Đoàn cấp huyện nơi đóng quân. Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chính trị các đơn vị để làm công tác nhân sự.

Việc giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Đoàn địa phương phải được Đảng uỷ, cơ quan chính trị đơn vị đồng ý.

B- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

I- NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân là một bộ phận của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Đảng uỷ Công an Trung ương.

2- Công tác thanh niên trong Công an nhân dân ở mỗi cấp do cấp uỷ Đảng cấp đó trực tiếp lãnh đạo.

- Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân giúp Đảng uỷ Công an Trung ương quản lý chỉ đạo công tác thanh niên ở các Tổng cục, Bộ tư lệnh cảnh vệ, V26 và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an. Chỉ đạo công tác thanh niên ở Công an các tỉnh, thành phố cho phù hợp với tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của công tác Công an.

- Thủ trưởng cơ quan Xây dựng lực lượng (Chánh Văn phòng, Cục trưởng cục Chính trị) các Tổng cục; thủ trưởng phụ trách công tác xây dựng lực lượng Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, V26, giúp cấp uỷ cùng cấp quản lý, chỉ đạo công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong các đơn vị thuộc quyền.

- Thủ trưởng phụ trách công tác xây dựng lực lượng (đồng chí trong Ban Giám đốc) Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giúp Đảng uỷ cùng cấp quản lý, chỉ đạo công tác thanh niên các đơn vị thuộc Công an tỉnh, thành phố;

đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh niên ở Công an các quận, huyện và tương đương.

- Ở đơn vị cơ sở, cấp uỷ Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên.

3- Để giúp cấp uỷ Đảng và thủ trưởng cơ quan Xây dựng lực lượng các cấp trong Công an nhân dân lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên từ cấp trên cơ sở lập Ban công tác thanh niên. Ban công tác thanh niên là cơ quan thường trực của một cấp bộ Đoàn và là cơ quan trực tiếp quản lý về công tác thanh niên ở cấp đó.

4- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức và hoạt động theo mô hình tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân; chịu sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của tỉnh, thành Đoàn và chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo của ban thanh niên Công an.

5- Sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên trong Công an nhân dân.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Công an chịu sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương, của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và trực tiếp là Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Đoàn các Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26 chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng uỷ Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26, sự chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan xây dựng lực lượng các tổng cục, Thủ trưởng phụ trách công tác xây dựng lực lượng Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26; sự chỉ đạo của Ban thanh niên Công an.

- Đoàn Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an tỉnh, thành phố và Ban Chấp hành tỉnh, thành Đoàn; sự quản lý, chỉ đạo của Thủ trưởng phụ trách cơ quan xây dựng lực lượng công an tỉnh, thành phố và sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban thanh niên Công an.

- Đoàn Công an quận huyện và tương đương chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng uỷ Công an quận, huyện và tương đương và Ban Chấp hành quận, huyện Đoàn; sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban thanh niên Công an tỉnh, thành phố.

- Chi đoàn Công an phường chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đoàn phường và của cấp uỷ Công an phường; sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Công an quận và tương đương. Chi đoàn Công an thuộc các đồn, trạm chịu sự quản lý, chỉ đạo của Đảng uỷ cùng cấp và tổ chức Đoàn cấp trên trực tiếp.

II- TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐOÀN TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1- Tổ chức cơ sở Đoàn trong Công an nhân dân được thành lập ở các vụ, cục, viện, trường, trại, bệnh viện, công ty, xí nghiệp, các đơn vị trực thuộc các tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26, các phòng, ban thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công an quận, huyện và tương đương.

Tổ chức cơ sở đoàn trong Công an nhân dân bao gồm Đoàn cơ sở và chi Đoàn cơ sở (Đoàn thanh niên Cục C22, Tổng cục II là tổ chức Đoàn cấp trên cơ sở).

- Đoàn cơ sở gồm:
 - + Đoàn cơ sở 3 cấp: Đoàn cơ sở - liên chi đoàn - chi đoàn.
 - + Đoàn cơ sở 2 cấp: Đoàn cơ sở - chi đoàn.
 - Chi đoàn cơ sở: là các chi đoàn do Ban thanh niên các cấp trong Công an nhân dân (và Đoàn C22, Tổng cục II)trực tiếp quản lý, chỉ đạo.
 - Ban cán sự Đoàn trong Công an nhân dân là một cấp bộ Đoàn không hoàn chỉnh do Ban thanh niên các cấp trong Công an nhân dân trực tiếp quản lý, chỉ đạo.
- 2- Việc thành lập, giải thể tổ chức cơ sở Đoàn:
- a- Điều kiện thành lập tổ chức cơ sở:
- Đơn vị có ít nhất 3 đoàn viên trở lên được thành lập chi đoàn. Nếu chưa đủ 3 đoàn viên thì được giới thiệu sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở thích hợp.
 - Đoàn cơ sở là cấp trên trực tiếp của chi đoàn. Đơn vị có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên (đủ điều kiện thành lập chi đoàn) và có ít nhất 30 đoàn viên có thể thành lập Đoàn cơ sở.
 - Chi Đoàn do Ban thanh niên các cấp trong Công an nhân dân (và Đoàn C22, Tổng cục II) trực tiếp quản lý chỉ đạo đều là chi đoàn cơ sở, có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn tương đương Đoàn cơ sở.
 - Ban cán sự Đoàn trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại mục III, phần thứ tư, Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn và những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập, giải thể quy định.
 - Những đơn vị cơ sở có đông đoàn viên, trong đó các bộ phận trực thuộc có tổ chức Đảng và chuyên môn tương ứng như: Tiểu đoàn (thuộc trung đoàn), khoa, hệ đào tạo, khoá học (trong các học viện, trường công an nhân dân) phòng nghiệp vụ chuyên môn (thuộc các vụ, cục, bộ tư lệnh) và các đội, bộ phận công tác (thuộc các phòng, ban ở Công an các tỉnh, thành phố)... có thể thành lập liên chi đoàn.
 - Trường hợp các đơn vị cơ sở có quá ít đoàn viên, có thể thành lập chi Đoàn ghép bao gồm đoàn viên của một số đơn vị có tính chất công việc và điều kiện sinh hoạt giống nhau.
- b- Thẩm quyền thành lập, giải thể tổ chức cơ sở Đoàn:
- Việc thành lập, giải thể tổ chức cơ sở Đoàn do cấp uỷ Đảng trực tiếp quyết định. Đối với cơ sở Đoàn Công an huyện (tương đương) do Ban thường vụ huyện Đoàn (tương đương) ra quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của cấp uỷ Đảng cùng cấp. Đối với liên chi đoàn, chi đoàn do Ban Chấp hành Đoàn cơ sở cấp trên trực tiếp quyết định thành lập.
 - Việc thành lập chi đoàn ghép gồm đoàn viên của nhiều đơn vị cơ sở do trưởng ban thanh niên đề nghị cấp uỷ Đảng cùng cấp ra quyết định thành lập và giao cho một cấp uỷ cơ sở trực tiếp lãnh đạo. Việc giải thể do trưởng ban thanh niên đề nghị cấp uỷ Đảng cùng cấp ra quyết định.

III- BAN CÔNG TÁC THANH NIÊN

1- Hệ thống Ban công tác thanh niên các cấp trong Công an nhân dân:

- Ở Bộ Công an có Ban công tác thanh niên Công an (gọi tắt là Ban thanh niên Công an).

- Ở các Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có Ban công tác thanh niên gọi tắt là Ban thanh niên Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26, Công an tỉnh, thành phố...).

2- Thành lập, giải thể Ban thanh niên và bố trí cán bộ Ban thanh niên:

- Việc thành lập, giải thể Ban thanh niên Công an và bổ nhiệm cán bộ thanh niên ở Bộ do Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân quyết định trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn (Thủ tục bổ nhiệm Trưởng Ban và Phó trưởng Ban Thanh niên Công an thực hiện theo quy định của Bộ Công an).

- Việc thành lập, giải thể Ban thanh niên và bổ nhiệm cán bộ Ban thanh niên các Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26 do do Đảng uỷ Tổng cục, Bộ tư lệnh cảnh vệ, V26 quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng chuyên môn và Ban thanh niên Công an.

- Việc thành lập, giải thể Ban thanh niên và bổ nhiệm cán bộ Ban thanh niên Công an các tỉnh, thành phố quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng chuyên môn và Ban Thường vụ tỉnh, thành Đoàn.

- Trưởng Ban thanh niên chịu trách nhiệm trước cấp uỷ Đảng và thủ trưởng cơ quan Xây dựng lực lượng cấp mình về thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban thanh niên về kết quả công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong các đơn vị thuộc quyền. Việc phân công nhiệm vụ từng cán Bộ trong Ban thanh niên ở mỗi cấp do trưởng Ban thanh niên cấp đó quyết định.

3- Chức năng:

- Nghiên cứu đề xuất với cấp uỷ Đảng và cơ quan chính trị (Xây dựng lực lượng) các chủ trương, nội dung, biện pháp, cơ chế, điều kiện tiến hành công tác thanh niên.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung về công tác thanh niên.

IV- ĐẠI HỘI ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ

- Đại hội đại biểu Đoàn thanh niên Bộ Công an, đại hội Đoàn thanh niên các Tổng cục, Bộ Tư lệnh cảnh vệ, V26, Đoàn C22- Tổng cục II và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành 5 năm 1 lần. Đại hội có nhiệm vụ: Kiểm điểm đánh giá kết quả công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong nhiệm kỳ; quyết định mục tiêu, phương hướng và chương trình hành động trong nhiệm kỳ tiếp theo; thoả thuận góp ý kiến báo cáo đại hội của Đoàn cấp trên và bầu đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên.

- Đại hội Đoàn thanh niên ở cấp trên cơ sở do Ban thanh niên cấp đó tổ chức trên cơ sở phê duyệt của Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan Xây dựng lực lượng cùng cấp và tổ chức Đoàn cấp trên về số lượng đại biểu, nội dung chương trình, thời gian và địa điểm đại hội.

- Thành phần đại biểu gồm: Uỷ viên Ban thanh niên cấp triệu tập đại hội, đại biểu do đại hội đoàn các đơn vị trực thuộc bầu và đại biểu chỉ định không quá 5% so với tổng số đại biểu được triệu tập.

V- MỐI LIÊN HỆ VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN VỚI TỔ CHỨC ĐOÀN ĐỊA PHƯƠNG NƠI ĐÓNG QUÂN

1- Tổ chức Đoàn trong Công an nhân dân liên hệ và phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn địa phương nhằm góp phần giáo dục thanh, thiếu nhi nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đoàn kết quân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xây dựng địa phương, đơn vị, xây dựng tổ chức đoàn, Đội vững mạnh.

2- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công an nhân dân giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Đoàn các cấp.

- Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

- Đảng uỷ Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành tỉnh, thành Đoàn.

- Ban Chấp hành Đoàn Công an quận, huyện và tương đương giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành quận, huyện Đoàn và tương đương; Ban Chấp hành chi Đoàn Công an phường giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Đoàn phường. Việc giới thiệu người tham gia Ban Chấp hành Đoàn quận, huyện, phường phải được sự đồng ý của cấp uỷ Đảng Công an cùng cấp.

PHẦN THỨ SÁU CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN VÀ UỶ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

A- CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN

I- LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đoàn các cấp lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát thông qua việc:

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo (nghị quyết, quy chế, quy định, hướng dẫn, □) về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật theo thẩm quyền;

+ Chỉ đạo cấp bộ đoàn cấp dưới, các ban chuyên môn và Ủy ban kiểm tra cùng cấp xây dựng, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong từng thời gian; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật;

+ Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm tra; quyết định quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra; quyết định việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đoàn theo thẩm quyền về công tác cán bộ;

+ Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số hoạt động kiểm tra, giám sát khi cần thiết.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đoàn các cấp xây dựng kế hoạch trong đó xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành kiểm tra, giám sát; tổ chức phối hợp lực lượng, phân công cụ thể từng Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và các Ban chức năng của Đoàn tiến hành kiểm tra, giám sát.

III- NỘI DUNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT:

Việc thực hiện nghị quyết đại hội Đoàn cùng cấp và cấp trên, các chỉ thị nghị quyết, các chủ trương công tác của Đoàn, việc chấp hành Điều lệ, các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đoàn.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế ở từng thời điểm, cấp bộ Đoàn và Ủy ban kiểm tra các cấp lựa chọn, cụ thể hóa nội dung kiểm tra, giám sát cho phù hợp.

B- ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP CỦA ĐOÀN

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA

1- Chức năng:

- Kiểm tra, giám sát cán bộ, đoàn viên (kể cả Ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới thực hiện các nghị quyết, chủ trương công tác của Đoàn, chấp hành Điều lệ Đoàn;

- Tham mưu cho cấp bộ Đoàn cùng cấp về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đoàn, đại diện quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cán bộ, đoàn viên, thanh niên.

- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với cấp bộ đoàn và Ủy ban kiểm tra cấp dưới.

2. Nhiệm vụ:

Ủy ban kiểm tra các cấp của Đoàn có 06 nhiệm vụ (theo quy định tại Điều 25 Chương VI Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh). Bao gồm:

a- Tham mưu cho các cấp bộ Đoàn kiểm tra việc thi hành Điều lệ, nghị quyết, chủ trương của Đoàn.

- Nội dung:

+ Kiểm tra thực hiện Điều lệ Đoàn và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn;

+ Kiểm tra việc triển khai, thực hiện nghị quyết và các chủ trương công tác của Đoàn đối với cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn cấp dưới;

- Qua kiểm tra, cần chú ý:

+ Đánh giá được hiệu quả các chủ trương công tác của Đoàn, chất lượng các hoạt động và phong trào do Đoàn chỉ đạo, tổ chức;

+ Đề xuất để kịp thời uốn nắn những khuyết điểm, lệch lạc trong việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết ;

+ Phát hiện và đề xuất nhân rộng điển hình nhân tố mới;

b- Kiểm tra cán bộ, đoàn viên (kể cả Ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp) và tổ chức Đoàn cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn.

- Những yếu tố để phát hiện cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn:

+ Qua theo dõi nắm tình hình;

+ Qua các ý kiến phản ánh trực tiếp (có biên bản, băng ghi âm) hoặc đơn, thư của cán bộ, đoàn viên, thanh niên và nhân dân;

+ Qua các phương tiện thông tin đại chúng; □

- Những điều cần lưu ý:

+ Đối với cán bộ thuộc diện cấp bộ Đoàn cùng cấp hoặc cấp bộ Đoàn cấp trên quản lý, khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đoàn thì Ủy ban kiểm tra nơi phát hiện dấu hiệu phải báo cáo cấp bộ đoàn cùng cấp và Ủy ban kiểm tra cấp trên trước khi tiến hành kiểm tra.

+ Sau khi kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm phải có kết luận, nếu đến mức phải kỷ luật thì phải đề xuất hình thức kỷ luật và biện pháp giải quyết với cấp bộ Đoàn cấp có thẩm quyền.

c- Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới.

- Nội dung kiểm tra:

+ Phương hướng, phương châm trong thi hành kỷ luật;

+ Nguyên tắc, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật;

+ Việc thực thi quyết định kỷ luật, theo dõi công nhận tiến bộ;

+ Việc giải quyết đơn thư khiếu nại về kỷ luật;

- Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật, Ủy ban kiểm tra có thể xem xét các vụ kỷ luật đã được xử lý nhưng có dấu hiệu xử lý không đúng để kiến nghị cấp bộ Đoàn có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d- Giám sát Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ cùng cấp và tổ chức Đoàn cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đoàn.

- Đối tượng giám sát:

+ Ủy viên Ban Chấp hành, cán bộ đoàn cùng cấp;

+ Tổ chức Đoàn cấp dưới và cán bộ, đoàn viên.

- Nội dung giám sát:

+ Giám sát tổ chức Đoàn cấp dưới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương công tác của Đoàn; việc chấp hành Điều lệ và các quy định của tổ chức Đoàn.

+ Giám sát cán bộ, đoàn viên trong việc chấp hành Điều lệ Đoàn, thực hiện các nghị quyết, quy định, quyết định của Đoàn; việc thực hiện các tiêu chuẩn cán bộ, đoàn viên theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Đoàn; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống;...

- Cách thức tiến hành giám sát:

+ Phân công Ủy viên Ủy ban kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi địa bàn, lĩnh vực, nắm tình hình phục vụ cho việc phát hiện dấu hiệu vi phạm nếu có;

+ Cử cán bộ dự các hội nghị, hoạt động của cấp bộ Đoàn hoặc tổ chức Đoàn được giám sát.

+ Tổ chức các đoàn giám sát tại địa phương, đơn vị;

+ Trao đổi, nắm tình hình từ các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan bảo vệ pháp luật, dư luận quần chúng thanh thiếu nhi và nhân dân, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và đơn thư khiếu nại, tố cáo.

+ Xem xét các văn bản, báo cáo của tổ chức Đoàn cấp dưới.

e- Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ Đoàn; tham mưu cho cấp bộ Đoàn về việc thi hành kỷ luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, thanh niên.

- Khi nhận được đơn khiếu nại tố cáo của cán bộ, đoàn viên, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì Ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị xử lý và trả lời cho người có đơn. Thời hạn giải quyết lần đầu không quá 30 ngày đối với khiếu nại, 60 ngày đối với tố cáo kể từ ngày thụ lý giải quyết; đối với các vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 45 ngày đối với khiếu nại, 90 ngày đối với tố cáo.

- Những tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho cơ quan chức năng xem xét, giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại, tố cáo không đồng ý thì có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo. (Đối với khu vực đi lại khó khăn thời

hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày). Thời gian giải quyết mỗi lần tiếp theo không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý để giải quyết, đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết. Người khiếu nại không gửi đơn khiếu nại tố cáo đến nhiều cấp, nhiều ngành cùng một lúc; trong thời gian cấp có thẩm quyền đang xem xét, kết luận, người khiếu nại không gửi đơn khiếu nại tố cáo đi các cấp, các ngành...

- Đối với đơn tố cáo không ghi danh, không rõ địa chỉ và những đơn đã được cấp có thẩm quyền xem xét kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới; những đơn tố cáo sao chụp chữ ký, đơn tố cáo tập thể thì không xem xét giải quyết; trường hợp đơn tố cáo không ghi danh, không rõ địa chỉ người tố cáo nhưng nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm (khoản 2, Điều 25 Điều lệ Đoàn).

- Trường hợp đơn khiếu nại tố cáo có nội dung, tính chất phức tạp, có liên quan đến nhiều cấp thì Ủy ban kiểm tra, cấp bộ Đoàn cấp trên trực tiếp có thể xem xét giải quyết

- Đối với đơn, thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đại biểu đại hội hoặc hội nghị đại biểu của Đoàn, thì chỉ nhận và xem xét, giải quyết đơn thư đó nếu được gửi đến trước đại hội, hội nghị đại biểu ít nhất 10 ngày.

- Trong khi giải quyết đơn khiếu nại tố cáo, Ủy ban kiểm tra phải đảm bảo khách quan, trung thực, đúng pháp luật và đúng quy định của Điều lệ Đoàn, không được quy chụp, trù úm người có đơn khiếu tố. Sau khi giải quyết xong phải báo cáo với cấp bộ Đoàn có thẩm quyền xử lý.

g- Kiểm tra công tác đoàn phí; việc quản lý, sử dụng tài chính và các nguồn thu khác của các đơn vị trực thuộc và tổ chức Đoàn cấp dưới.

Hàng năm các cấp bộ Đoàn, Ủy ban kiểm tra xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra công tác đoàn phí, việc quản lý sử dụng tài chính và các nguồn thu khác của các đơn vị trực thuộc và tổ chức Đoàn cấp dưới, cụ thể như sau:

- Kiểm tra công tác đoàn phí:

+ Đối với đoàn viên: Kiểm tra ý thức, trách nhiệm đóng đoàn phí của đoàn viên (thể hiện ở thời gian đóng đoàn phí và mức đóng đoàn phí).

+ Đối với tổ chức đoàn:

• Kiểm tra việc thu, nộp đoàn phí, thời gian nộp, tỷ lệ trích nộp lên Đoàn cấp trên.

• Kiểm tra việc quản lý và sử dụng đoàn phí: mục đích, nội dung sử dụng, việc thực hiện các quy định về chế độ thanh quyết toán, việc mở sổ sách theo dõi theo quy định của Nhà nước.

- Kiểm tra tài chính của Đoàn:

+ Đối với ngân sách nhà nước cấp: Kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cấp cho các hoạt động của Đoàn (chỉ kiểm tra khi thấy có dấu hiệu vi phạm và

có sự đồng ý của Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp). Khi tiến hành kiểm tra cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan tài chính.

+ Đối với các nguồn thu khác: Tiến hành kiểm tra khi có sự đồng ý của Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp; trong đó chú ý các khoản phân phối cho cán bộ, nhân viên, đầu tư cho sản xuất, làm công tác từ thiện và giúp đỡ cơ sở, để lại quỹ phúc lợi của cơ quan đơn vị... Kiểm tra việc sử dụng nguồn thu này có đúng quy định của Nhà nước, có hợp lý, công bằng đảm bảo nguyên tắc bàn bạc tập thể hay không.

+ Kiểm tra việc thanh, quyết toán các loại sổ sách, hoá đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước.

3- Quyền hạn:

a- Quyền được kiểm tra, giám sát cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn cấp dưới theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

b- Quyền được yêu cầu:

- Được yêu cầu tổ chức Đoàn cấp dưới, cán bộ, đoàn viên và những người có liên quan báo cáo, cung cấp tài liệu, chứng từ và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình kiểm tra.

- Được tham dự các hội nghị của cấp bộ đoàn cùng cấp và cấp dưới khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra.

c- Quyền được đề nghị:

- Đề nghị Đoàn cấp trên, các cơ quan của Đảng, Nhà nước trả lời, giải quyết những đơn thư khiếu tố của đoàn viên, thanh niên.

- Đề nghị cấp bộ Đoàn thi hành kỷ luật cán bộ, đoàn viên; đề nghị xoá tên các uỷ viên Ban Chấp hành hay Uỷ viên ban kiểm tra cùng cấp và cấp dưới theo đúng tính chất và mức độ vi phạm.

d- Quyền được đề nghị chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ các quyết định về kỷ luật của tổ chức Đoàn và Uỷ ban kiểm tra cấp dưới:

Trong quá trình giải quyết đơn, thư khiếu nại về kỷ luật hoặc kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Đoàn cấp dưới đối với cán bộ, đoàn viên và tổ chức Đoàn, nếu phát hiện thấy trường hợp xử lý kỷ luật không đúng, Uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền yêu cầu Đoàn cấp dưới sửa đổi; nếu Đoàn cấp dưới không sửa đổi thì Uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền báo cáo cấp bộ Đoàn cùng cấp hoặc cấp trên thay đổi hoặc xoá bỏ các quyết định về kỷ luật đó.

II- CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN ỦY VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA

1- Cơ cấu, số lượng:

- Uỷ ban kiểm tra mỗi cấp gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Uỷ viên. Ngoài số uỷ viên chuyên trách công tác tại cơ quan thường trực của uỷ ban kiểm tra, cần có một số uỷ viên đại diện cho các ban phong trào, đại diện Đoàn cấp dưới, nên có Uỷ viên là cán bộ, đoàn viên công tác tại cơ quan nội chính am hiểu pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát để giúp Uỷ ban kiểm tra hoạt động hiệu quả.

- Cơ cấu, số lượng của Ủy ban kiểm tra từng cấp cụ thể như sau:

a- Ủy ban kiểm tra Trung ương Đoàn:

- Số lượng từ 11 đến 15 ủy viên

- Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm là Bí thư Trung ương Đoàn hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn; các Phó Chủ nhiệm; một số Ủy viên chuyên trách công tác tại cơ quan thường trực, một số Ủy viên đại diện cho các ban, các đơn vị thuộc Trung ương Đoàn, một số Ủy viên đại diện cho các tỉnh, thành Đoàn, Đoàn trực thuộc Trung ương Đoàn.

b- Ủy ban kiểm tra tỉnh, thành đoàn, Đoàn trực thuộc Trung ương.

- Số lượng từ 5 đến 9 ủy viên, riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên có từ 7 - 11 ủy viên.

- Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm là Phó Bí thư hoặc Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh, thành Đoàn; từ 1 đến 2 Phó Chủ nhiệm, số còn lại là các Ủy viên, trong đó:

+ Từ 1 đến 3 ủy viên chuyên trách ở cơ quan thường trực Ủy ban kiểm tra.

+ Từ 1 đến 2 ủy viên là Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đoàn cấp quận, huyện trực thuộc tỉnh.

+ Một số ủy viên đại diện cho các ban của tỉnh, thành đoàn, cán bộ, đoàn viên công tác tại các cơ quan nội chính am hiểu pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát.

c- Ủy ban kiểm tra cấp huyện và tương đương:

- Số lượng 5 - 7 đồng chí.

- Cơ cấu gồm: Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra là Phó Bí thư hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Đoàn cấp huyện và tương đương; Phó Chủ nhiệm là cán bộ chuyên trách công tác tại cơ quan quận, huyện Đoàn, còn lại các Ủy viên là các đồng chí phụ trách công tác kiểm tra tại Đoàn cơ sở (doanh nghiệp, trường học, địa bàn dân cư, □) và đại diện khối nội chính hoặc các phòng ban của quận, huyện.

2- Tiêu chuẩn ủy viên ủy ban kiểm tra:

Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, của Đoàn cần có các tiêu chuẩn sau:

- gương mẫu thực hiện Điều lệ Đoàn, các nghị quyết của Đoàn, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong khiêm tốn, được quần chúng tín nhiệm.

- Nhiệt tình năng động sáng tạo, có năng lực nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và công tác xây dựng Đoàn, có kinh nghiệm công tác Đoàn và công tác vận động quần chúng.

Căn cứ các quy định này, khi bầu Ủy ban kiểm tra, Ban Chấp hành đoàn có thể đề ra tiêu chuẩn cao hơn hoặc cụ thể hơn đối với Ủy viên Ủy ban kiểm tra cấp mình cho phù hợp.

III- NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA

- Ủy ban kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ tập thể, khi quyết định thì thiểu số phục tùng đa số; mỗi ủy viên phải chấp hành và chịu trách nhiệm trước Ủy ban kiểm tra về nhiệm vụ được phân công;

- Ủy ban kiểm tra chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp và sự hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên về phương hướng nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra;

- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra do Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp ban hành;

- Ủy ban kiểm tra được sử dụng con dấu riêng trong hoạt động;

- Ủy ban kiểm tra các cấp họp định kỳ 1 năm 2 lần, họp bất thường khi cần. Trong các phiên họp, ngoài việc giải quyết các công việc cụ thể, Ủy ban kiểm tra cần kiểm điểm việc thực hiện 6 nhiệm vụ do Điều lệ quy định, quyết định trọng tâm, phương hướng công tác mới.

- Những cấp có cơ quan thường trực của Ủy ban kiểm tra, cơ quan thường trực làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng. Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đồng thời lãnh đạo cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trước cơ quan chuyên trách của Đoàn về quản lý cán bộ và cơ sở vật chất được giao để thực hiện nhiệm vụ.

- Nếu vì lý do đặc biệt mà Ban Chấp hành chưa bầu được Ủy ban kiểm tra thì có thể đề nghị cấp bộ Đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.

+ Hồ sơ đề nghị chỉ định gồm: Công văn đề nghị của Ban Chấp hành; danh sách và tóm tắt lý lịch của các ủy viên chỉ định.

+ Thời gian hoạt động Ủy ban kiểm tra chỉ định không được kéo dài quá hai kỳ họp của Ban Chấp hành cùng cấp.

+ Ủy ban kiểm tra được chỉ định có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như Ủy ban kiểm tra do Ban Chấp hành bầu.

PHẦN THỨ BẢY

ĐOÀN VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI CỦA THANH NIÊN

I- VAI TRÒ NÒNG CỐT CHÍNH TRỊ CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

1- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tổ chức Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và là thành viên tập

thể của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đoàn có trách nhiệm xây dựng và thành lập các tổ chức Hội của thanh niên.

2- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh định hướng về chính trị, tư tưởng cho hoạt động của Hội. Thường xuyên thông báo cho Hội những chủ trương công tác và chương trình hoạt động của Đoàn, tham gia ý kiến với Hội để Hội xây dựng chương trình phối hợp nhằm triển khai sâu rộng yêu cầu hoạt động của Đoàn trong hội viên, thanh niên.

3- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh giới thiệu cán bộ chủ chốt của Đoàn để tiến hành hiệp thương vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội. Có ý kiến hiệp thương giới thiệu cán bộ chủ chốt của Hội tham gia cơ quan lãnh đạo Hội cấp trên.

II TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG HỘI

1- Có kế hoạch đầu tư về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cần thiết phù hợp với điều kiện của mình để đảm bảo cho hoạt động của Hội duy trì được thường xuyên.

2- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ năng công tác thanh niên cho đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội các cấp.

3- Các cấp bộ Đoàn có trách nhiệm chăm lo xây dựng Hội ngày càng vững mạnh. Coi công tác xây dựng Hội là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đoàn. Ban Thường vụ Đoàn và thường trực Ủy ban Hội các cấp duy trì nề nếp làm việc giao ban định kỳ để kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động của mình.

4- Cán bộ Đoàn và đoàn viên phải thực sự gương mẫu, liên hệ mật thiết với thanh niên, thuyết phục và động viên hội viên, thanh niên tích cực tham gia vào các chương trình hoạt động chung của Đoàn.

PHẦN THỨ TÁM

ĐOÀN PHỤ TRÁCH ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

I- VỀ VIỆC ĐOÀN PHỤ TRÁCH ĐỘI

Ban Chấp hành Đoàn các cấp lãnh đạo tổ chức Đội và chỉ đạo hoạt động của thiếu nhi theo những nội dung chủ yếu sau đây:

- Đoàn có trách nhiệm lựa chọn, bố trí cán bộ, phân công đoàn viên có năng lực làm công tác Đội, phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phụ trách Đội, các Cung, Nhà thiếu nhi và cán bộ Ban chỉ huy liên đội, chi đội.

- Quyết định nhân sự của Hội đồng Đội cùng cấp theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đoàn.

- Quyết định chủ trương công tác Đội và phong trào thiếu nhi theo phạm vi phụ trách.

- Tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện quyền và bổn phận theo quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, cơ chế chính sách và đầu tư thoả đáng cho công tác Đội cũng như cán bộ phụ trách thiếu nhi.

- Các cấp bộ Đoàn đóng vai trò chủ động, tích cực trong việc vận động xã hội chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, giúp trẻ em đặc biệt khó khăn; mỗi đoàn viên thanh niên là tấm gương tốt về mọi mặt cho các em noi theo, có trách nhiệm hướng dẫn thiếu nhi trong các hoạt động Đội.

- Định kỳ có chương trình làm việc với Hội đồng Đội, đánh giá hoạt động của Hội đồng Đội, các bộ phận, các cơ quan chức năng của Đoàn đối với nhiệm vụ phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Thực hiện công tác khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng Đội vững mạnh và bảo vệ, chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

- Tổ chức hoạt động tình nguyện, lao động sáng tạo, tiết kiệm nhằm củng cố, phát triển tổ chức Đội và xây dựng các loại quỹ phục vụ hoạt động của thiếu nhi.

II- HỘI ĐỒNG ĐỘI CÁC CẤP

- Hội đồng Đội cấp nào do Ban Chấp hành Đoàn cấp đó lập ra và lãnh đạo; đó là cơ quan tham mưu giúp Đoàn chỉ đạo, hướng dẫn công tác Đội, đại diện cho Đoàn quan hệ với cơ quan nhà nước, các tổ chức trong nước và nước ngoài về công tác Đội và phong trào thiếu nhi.

- Hội đồng Đội các cấp chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp và sự hướng dẫn về công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội cấp trên.

- Hệ thống tổ chức của Hội đồng Đội gồm 4 cấp:

+ Cấp xã.

+ Cấp huyện.

+ Cấp tỉnh.

+ Cấp trung ương.

- Đoàn khối, ngành cần phân công cán bộ Đoàn phụ trách công tác thiếu nhi.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng Đội theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đoàn cùng cấp.

- Cơ cấu thành viên của Hội đồng Đội chủ yếu gồm đại diện Đoàn thanh niên và ngành Giáo dục - Đào tạo với sự tham gia của các ngành hữu quan, các cá nhân có uy tín trong xã hội, uy tín với thiếu nhi, có nhiệt tình và năng lực công tác Đội.

- Chủ tịch Hội đồng Đội là Bí thư, Phó Bí thư hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Đoàn có uy tín, năng lực đáp ứng nhiệm vụ tổ chức và điều hành hoạt động của Hội đồng do mình đảm trách.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng Đội cấp dưới phải có sự thống nhất ý kiến với Chủ tịch Hội đồng Đội cấp trên.

- Hoạt động của Hội đồng Đội các cấp dựa theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đội TNTP Hồ Chí Minh” do Ban Thường vụ Trung ương Đoàn ban hành.

III- VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI

- Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh theo điều lệ của Đội do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định.

- Đoàn tập trung nâng cao chất lượng đội viên và tổ chức Đội trong các loại hình trường, lớp, đồng thời chú trọng việc xây dựng chi đội, liên đội gắn với việc mở rộng hoạt động Đội trên địa bàn dân cư nhằm phát huy sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của cộng đồng đối với công tác thiếu nhi. Đoàn chỉ đạo Đội TNTP Hồ Chí Minh hướng dẫn và tổ chức cho thiếu niên, nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và các phong trào thiếu nhi, mở rộng các loại hình hoạt động, tích cực đổi mới nội dung hình thức hoạt động Đội, đáp ứng nhu cầu sở thích, lợi ích của mỗi cá nhân đội viên và tập thể Đội.

- Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đội phát triển các hoạt động gắn với nhiệm vụ chính trị ở địa phương, các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, giúp đỡ bạn bè và giao lưu quốc tế.

- Tạo môi trường để các em tu dưỡng rèn luyện, phấn đấu trở thành đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh và người công dân tốt.

PHẦN THỨ CHÍN KHEN THƯỞNG CỦA ĐOÀN

Thực hiện theo Quy chế thi đua, khen thưởng của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

PHẦN THỨ MƯỜI KỶ LUẬT CỦA ĐOÀN

A- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Mục đích kỷ luật của đoàn nhằm giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đoàn. Thi hành kỷ luật để giáo dục cán bộ, đoàn viên vi phạm khuyết điểm sửa chữa sai lầm khuyết điểm đồng thời đảm bảo kỷ luật của Đoàn được nghiêm minh.

1- Cán bộ Đoàn và đoàn viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đoàn, nếu vi phạm khuyết điểm tùy theo mức độ đều bị xử lý kỷ luật.

2- Trong khi xem xét xử lý kỷ luật, phải căn cứ kết quả tự phê bình và kết quả thẩm tra xác minh để đảm bảo kết luận khách quan, chính xác, không bỏ sót khuyết điểm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ nguyên nhân sai phạm động cơ sai phạm và hoàn cảnh sai phạm.

3- Kỷ luật Đoàn không thay thế kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật của các đoàn thể khác hoặc ngược lại.

4- Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện cán bộ, đoàn viên vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng thì báo cáo cấp bộ Đoàn cùng cấp phối hợp với cơ quan chức năng xem xét, xử lý.

5- Trường hợp tại nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, uỷ ban kiểm tra khoá cũ chưa kết luận được, phải chuyển giao hồ sơ để Ban Chấp hành, uỷ ban kiểm tra khoá mới tiếp tục xem xét, kết luận và xử lý.

6- Cán bộ, đoàn viên có khuyết điểm đang trong quá trình kiểm tra, xem xét, không được rút đơn khỏi danh sách Ban Chấp hành hoặc xét đơn xin ra Đoàn của cán bộ, đoàn viên đó.

7- Đoàn viên bị khai trừ, sau một năm thì được xem xét kết nạp lại. Thời gian bị khai trừ không được tính tuổi đoàn viên.

B- CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT CỦA ĐOÀN

I - ĐỐI VỚI CÁN BỘ, ĐOÀN VIÊN

1- Khiển trách: áp dụng đối với những cán bộ, đoàn viên mắc khuyết điểm lần đầu, khuyết điểm ở mức độ nhẹ, nhất thời, ảnh hưởng gây tác hại trong phạm vi hẹp, đã nhận thấy khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa.

2- Cảnh cáo: áp dụng đối với cán bộ, đoàn viên vi phạm kỷ luật bị khiển trách mà còn tái phạm hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng mang tính chất tương đối nghiêm trọng, phạm vi ảnh hưởng tương đối rộng.

3- Cách chức: áp dụng đối với cán bộ Đoàn vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức Đoàn, không xứng đáng để giữ chức vụ đó.

Khi áp dụng hình thức kỷ luật cách chức cần lưu ý một số vấn đề sau.

- Đối với cán bộ giữ nhiều chức vụ:

+ Cán bộ giữ nhiều chức vụ vi phạm kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà cách một chức, nhiều chức hay cách hết chức vụ Đoàn hiện đang đảm nhiệm.

+ Trường hợp cán bộ Đoàn giữ nhiều chức vụ trong một cấp như là Bí thư (hoặc Phó Bí thư), uỷ viên Ban Thường vụ, uỷ viên Ban Chấp hành... khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì: Nếu cách chức Bí thư (hoặc Phó Bí thư) còn là uỷ viên Ban Thường vụ và uỷ viên Ban Chấp hành; nếu cách chức uỷ viên Ban Thường vụ còn là uỷ viên Ban Chấp hành; nếu cách chức uỷ viên Ban Chấp hành thì hết các chức vụ.

+ Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức vụ ở nhiều cấp khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì cách chức ở cấp nào thì chỉ mất chức ở cấp đó, các chức vụ ở cấp khác vẫn còn.

+ Trường hợp một cán bộ vừa là uỷ viên Ban Chấp hành vừa là uỷ viên ủy ban kiểm tra cùng cấp, khi vi phạm kỷ luật phải cách chức thì: Nếu cách chức uỷ viên Ban Chấp hành không còn chức uỷ viên ban kiểm tra; nếu cách chức uỷ viên ban kiểm tra thì tùy thuộc mức độ sai phạm đề nghị cấp bộ đoàn xem xét tư cách uỷ viên Ban Chấp hành.

4- Khai trừ: Là hình thức kỷ luật cao nhất của Đoàn, áp dụng đối với cán bộ, đoàn viên phạm khuyết điểm ở mức rất nghiêm trọng gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức Đoàn, không xứng đáng được đứng trong hàng ngũ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

II- ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐOÀN

1- Khiển trách: Áp dụng đối với một cán bộ Đoàn hay một tổ chức Đoàn vi phạm Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết, các nguyên tắc của Đoàn, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà tính chất và mức độ không lớn; ảnh hưởng trong phạm vi hẹp.

2- Cảnh cáo: Áp dụng đối với một cấp bộ Đoàn hay một tổ chức Đoàn vi phạm Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết và các nguyên tắc của tổ chức Đoàn, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước mà tính chất và mức độ lớn, ảnh hưởng trong phạm vi rộng nhưng chưa đến mức phải áp dụng hình thức giải tán hoặc đã bị Đoàn cấp trên kỷ luật khiển trách mà còn tái phạm.

3- Giải tán: Áp dụng đối với một cấp bộ Đoàn hay một tổ chức Đoàn vi phạm rất nghiêm trọng Điều lệ Đoàn, mất tính chiến đấu không còn tác dụng đối với thanh thiếu nhi.

Chỉ áp dụng giải tán một tổ chức Đoàn khi có hai phần ba (2/3) số cán bộ, đoàn viên, hoặc giải tán một cấp bộ Đoàn khi có hai phần ba (2/3) số uỷ viên Ban Chấp hành vi phạm khuyết điểm đến mức phải khai trừ hay cách chức. Những cán bộ Đoàn viên ở cơ sở bị giải tán không bị kỷ luật khai trừ được giới thiệu đến sinh hoạt ở cơ sở Đoàn khác hoặc cơ sở mới thành lập.

III- MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI LÀ HÌNH THỨC KỶ LUẬT

1- Đình chỉ chức vụ, đình chỉ công tác đối với cán bộ đoàn và đình chỉ công tác, sinh hoạt Đoàn đối với đoàn viên để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra và kết luận những vi phạm có khuyết điểm có liên quan đến đoàn viên hoặc cán bộ đó.

Thời gian đình chỉ không quá 3 tháng. Quá thời gian 3 tháng, chưa có kết luận kiểm tra, nếu thấy cần thiết có thể tiếp tục đình chỉ lần thứ 2, thời gian đình chỉ lần thứ 2 không quá 3 tháng.

2- Xoá tên trong danh sách đoàn viên (mục 4 Điều 4 chương I Điều lệ Đoàn).

C- THẨM QUYỀN KỶ LUẬT

1- Những tổ chức có thẩm quyền kỷ luật:

- Chi đoàn và chi đoàn cơ sở.
- Ban Chấp hành Đoàn cơ sở trở lên.
- Các Ban cán sự Đoàn được Ban Thường vụ Trung ương Đoàn cho phép.

Riêng thẩm quyền kỷ luật của tổ chức Đoàn trong lực lượng vũ trang theo qui định tại phần thứ năm — Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn.

2- Thẩm quyền thi hành kỷ luật:

a, Đối với đoàn viên:

Khi vi phạm kỷ luật phải được kiểm điểm trước chi đoàn với sự có mặt của ít nhất 2/3 tổng số đoàn viên chi đoàn và được trên một phần hai ý kiến biểu quyết đồng ý của đoàn viên có mặt trong hội nghị.

Từ hình thức cảnh cáo trở lên chi đoàn báo cáo lên đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định.

b- Đối với cán bộ Đoàn:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn cấp nào do hội nghị Ban Chấp hành cấp đó (có mặt ít nhất 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành) thảo luận, biểu quyết hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên Ban Chấp hành Đoàn có mặt tại hội nghị, đồng thời phải được cấp bộ Đoàn cấp trên trực tiếp xét, quyết định. Đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn họp biểu quyết, quyết định hình thức kỷ luật với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại hội nghị.

Thẩm quyền kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra Đoàn các cấp áp dụng như kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp.

- Trường hợp ủy viên Ban Chấp hành hoặc ủy viên Ban kiểm tra trong độ tuổi đoàn viên, khi vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm tại chi đoàn nơi đồng chí đó sinh hoạt.

- Trường hợp cán bộ Đoàn là ủy viên tham gia Ban Chấp hành Đoàn, nếu vi phạm kỷ luật, trước khi kiểm điểm, phải báo cáo xin ý kiến cấp ủy quản lý trực tiếp cán bộ đó.

- Trường hợp cán bộ giữ nhiều chức vụ trong nhiều cấp, khi vi phạm kỷ luật thì cấp nào quản lý trực tiếp cấp đó kiểm điểm, thảo luận biểu quyết hình thức kỷ luật và đề nghị Đoàn cấp quản lý chức vụ cao nhất xét và quyết định kỷ luật.

- Trường hợp cán bộ Đoàn chuyên trách có chức vụ trong cơ quan của Đoàn nhưng không tham gia Ban Chấp hành, nếu vi phạm kỷ luật, cấp nào bổ nhiệm, cấp đó xử lý kỷ luật.

Chú ý: Trường hợp cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn vi phạm kỷ luật đã được tổ chức Đoàn và Ủy Ban kiểm tra cấp trên nhắc nhở mà cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì Ủy ban kiểm tra cấp trên đề nghị cấp bộ Đoàn cùng cấp trực tiếp xem xét và quyết định thi hành kỷ luật hoặc sửa đổi hình thức kỷ luật.

c- Đối với tổ chức Đoàn:

- Khiển trách, cảnh cáo một tổ chức Đoàn hay cấp bộ Đoàn do Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số Ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại hội nghị.

- Giải tán một tổ chức Đoàn hay một cấp bộ Đoàn do hội nghị Ban Chấp hành Đoàn cấp trên trực tiếp (có mặt ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành) thảo luận và quyết định với sự đồng ý của trên một phần hai số ủy viên Ban Chấp hành Đoàn có mặt tại hội nghị.

3- Quyền của cán bộ, đoàn viên, tổ chức Đoàn khi bị kỷ luật:

Cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật vẫn được hưởng các quyền sau:

- Được trình bày ý kiến của mình trước hội nghị chi đoàn hoặc hội nghị Ban Chấp hành.

- Được biểu quyết về hình thức kỷ luật của mình.

4- Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đoàn:

- Tổ chức Đoàn, cán bộ, đoàn viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận quyết định kỷ luật, có quyền khiếu nại bằng đơn về hình thức kỷ luật của mình lên ủy Ban kiểm tra hoặc Đoàn cấp trên. Ủy Ban kiểm tra hoặc Đoàn cấp trên có trách nhiệm xem xét giải quyết và trả lời cho người gửi đơn khiếu nại biết.

- Ban Thương vụ Đoàn, ủy Ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn phải tuân tự từ cấp ra quyết định sau đó mới đến cấp trên ra quyết định.

- Thời gian giải quyết khiếu nại kỷ luật tương tự như giải quyết khiếu nại tố cáo được quy định tại điểm d, mục II chức năng, nhiệm vụ của ủy Ban kiểm tra các cấp hướng dẫn này.

- Không khiếu nại vượt cấp khi tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật Đoàn chưa giải quyết xong, không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp cùng một lúc, đến nhiều tổ chức và cá nhân có thẩm quyền giải quyết, không khiếu nại hộ cá nhân, tổ chức bị kỷ luật.

5- Quy trình tiến hành xét kỷ luật:

- Kiểm tra xác minh: quá trình kiểm tra, xác minh phải khách quan, thận trọng. Khi gặp gỡ đương sự hoặc người có liên quan phải ghi biên bản. Kết thúc quá trình kiểm tra xác minh phải có báo cáo kết luận.

- Tổ chức kiểm điểm:

+ Triệu tập họp chi đoàn (đối với trường hợp vi phạm là đoàn viên) hoặc Ban Chấp hành Đoàn (trường hợp vi phạm là cán bộ Đoàn).

+ Cán bộ, Đoàn viên trình bày kiểm điểm (bằng văn bản) trước chi đoàn hoặc Ban Chấp hành Đoàn và tự nhận hình thức kỷ luật.

+ Báo cáo kết luận kiểm tra xác minh, đề xuất hình thức kỷ luật.

+ Các thành viên dự họp góp ý kiến phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ sai phạm.

+ Chủ tọa cuộc họp tóm tắt, kết luận vấn đề.

- Biểu quyết kỷ luật:

Biểu quyết hình thức kỷ luật nhất thiết phải bằng phiếu kín.

- Nếu kết quả bỏ phiếu quá bán thì đề nghị Đoàn cấp trên xem xét quyết định (trường hợp chi đoàn kỷ luật đoàn viên bằng hình thức khiển trách thì có hiệu lực ngay sau khi công bố).

- Trong trường hợp kết quả bỏ phiếu đề nghị kỷ luật không có hình thức nào qua bán hoặc kết quả bỏ phiếu bằng nhau thì làm văn bản báo cáo lên Ủy ban kiểm tra, Đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Hồ sơ kỷ luật gồm:

- Bản tự kiểm điểm của người vi phạm.

- Biên bản họp chi Đoàn hoặc Ban Chấp hành Đoàn xét kỷ luật.

- Văn bản đề nghị của Ban Chấp hành Đoàn.

- Các văn bản khác có liên quan như kết luận của cơ quan thanh tra, quyết định kỷ luật của Đảng, chính quyền, đoàn thể khác □ (nếu có).

PHẦN THỨ MƯỜI MỘT NGUYÊN TẮC THU NỘP ĐOÀN PHÍ CỦA ĐOÀN

I- THỂ LỆ:

Hàng tháng đoàn viên đóng đoàn phí cho chi đoàn, trường hợp đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn thì được Ban Chấp hành Đoàn cơ sở xét miễn đoàn phí, trong một thời gian nhất định nhưng không quá 6 tháng.

Chi đoàn có trách nhiệm thu đoàn phí của đoàn viên một tháng một lần.

II- MỨC ĐÓNG ĐOÀN PHÍ CỦA ĐOÀN VIÊN

Thực hiện theo quy định hiện hành, căn cứ vào tình hình thực tế Ban Bí thư Trung ương Đoàn sẽ trình Ban Thường vụ Trung ương Đoàn xem xét điều chỉnh mức đóng hợp lý.

III- VIỆC TRÍCH NỘP ĐOÀN PHÍ LÊN ĐOÀN CẤP TRÊN

Các cấp bộ Đoàn từ chi đoàn trở lên đều phải trích nộp đoàn phí lên Đoàn cấp trên. Việc trích nộp quy định như sau:

- Mức trích nộp: Từ chi đoàn trở lên, mỗi cấp được giữ lại 2/3 (hai phần ba) và nộp lên Đoàn cấp trên 1/3 (một phần ba) số tiền đoàn phí do đoàn viên đóng hoặc trích nộp của tổ chức Đoàn cấp dưới.

- Thời gian trích nộp:

+ Chi đoàn trích nộp Đoàn phí lên Đoàn cơ sở 1 tháng 1 lần.

+ Đoàn cơ sở, huyện Đoàn và cấp tương đương 3 tháng 1 lần.

+ Tỉnh, thành Đoàn và cấp tương đương trích nộp đoàn phí lên Trung ương Đoàn 1 năm từ 1 đến 2 lần, thời hạn nộp cuối cùng là ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Hướng dẫn này được phổ biến trong toàn Đoàn để thống nhất thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa phù hợp các cấp bộ Đoàn đề xuất để Ban Thường vụ Trung ương Đoàn xem xét sửa đổi bổ sung.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐOÀN
BÍ THƯ THỨ NHẤT**

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Văn phòng, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra TW Đảng (để b/c);
- Các tỉnh, thành Đoàn, Đoàn trực thuộc;
- Các đ/c UVBCH TW Đoàn;
- Các ban, đơn vị TW Đoàn;
- Lưu VP, BTC.

Đã ký

Võ Văn Thuởng